

# HƯỚNG DẪN VIẾT CÂU IELTS WRITING

Mục tiêu 6.5 - 7.5+

*Proofread bởi giáo viên bản xứ*

X change Y  
= X has made a huge difference to Y



From an educational perspective, ...

On the societal level,...

The solution to X is=  
The key to X lies in V-ing



# Cuốn sách này của

---

Điểm mục tiêu cho phần thi IELTS Writing là: .....

Minh sẽ đạt điểm số này vào ngày .....

Để làm được điều này, mình sẽ đọc cuốn sách này ít nhất ..... lần/tuần

# VỀ tác giả Đinh Thăng

- Sáng lập và chủ nhiệm bộ phận Học thuật tại A&M | IELTS.
- Chứng chỉ ngành Ngôn ngữ Anh tại Đại học Brighton, Anh Quốc

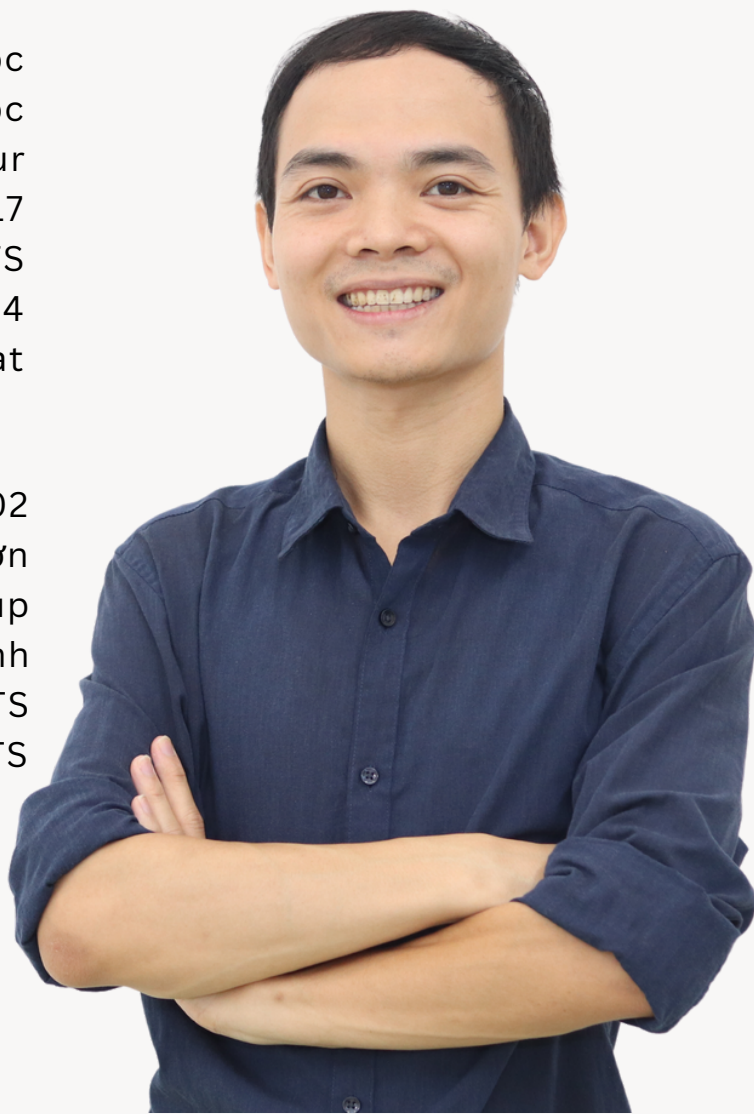
Học bổng Thạc sỹ bán phần thuộc hệ thống chương trình học bổng châu Âu Erasmus Mundus.

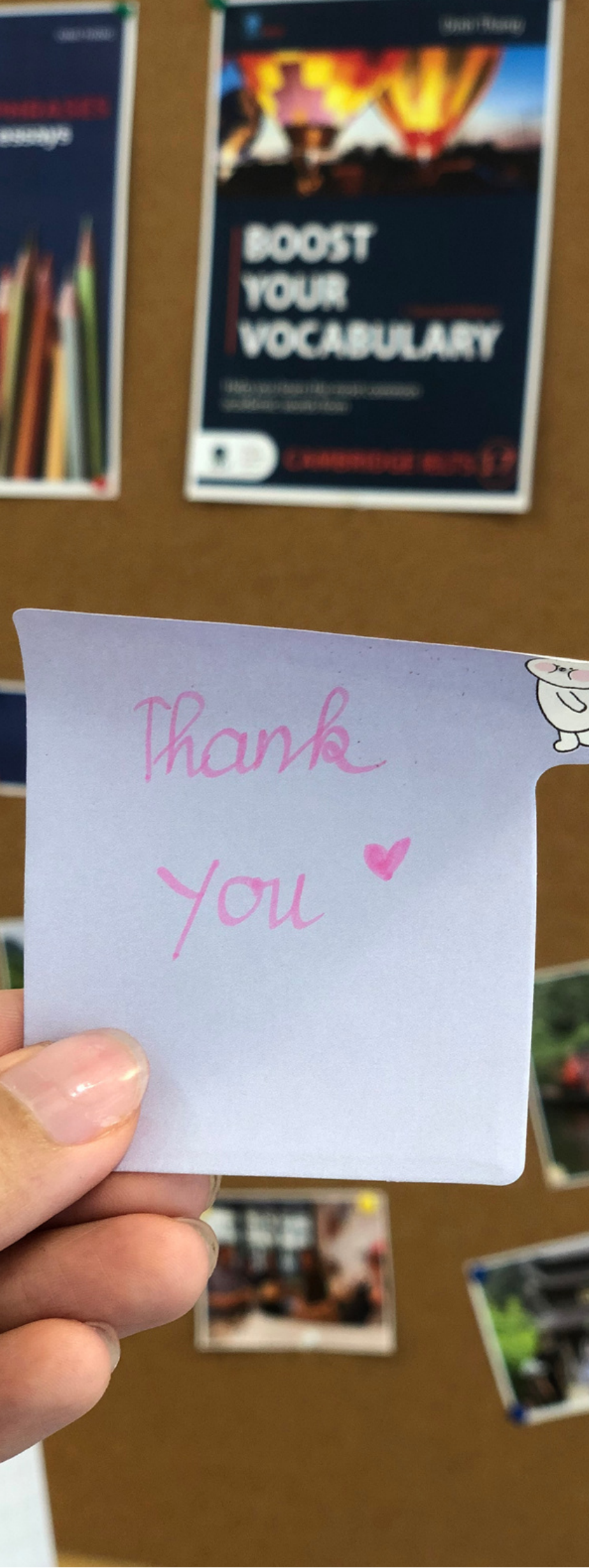
8.0 Writing và 8.0 Speaking công nhận bởi IDP Việt Nam.

Kinh nghiệm dạy IELTS 2012-2023

Tác giả của các đầu sách tự học IELTS nổi tiếng trong cộng đồng học IELTS tại Việt Nam như Boost your vocabulary Cambridge IELTS 8-17 và Hướng dẫn viết câu trong IELTS Writing 6.5-7.5 đã giúp ít nhất 24 bạn đạt 9.0 Reading và 3 bạn đạt 7.5 writing.

Thành viên ban quản trị của 02 trong số các cộng đồng IELTS lớn nhất tại Việt Nam: Facebook group IELTS Việt (hơn 300.000 thành viên) và Facebook group IELTS Family – Các nhóm tự học IELTS (hơn 120.000 thành viên)





## Lời giới thiệu

Mình rất vui vì các bạn đã đón nhận các phiên bản đầu tiên của cuốn “Hướng dẫn viết câu IELTS writing” phiên bản 2017, 2019 và 2021. Trong phiên bản lần này, mình tiếp tục cập nhật một số chủ đề và chỉnh sửa lại một số ví dụ cũ để đảm bảo tính chính xác cao nhất có thể. Ngoài ra sách được bổ sung thêm phần **ÁP DỤNG VIẾT CÂU TRONG ĐỀ THI THẬT**, giúp các bạn thấy được giá trị của kiến thức trong sách.

Trong thời gian từ giờ đến cuối năm 2023, mình sẽ cố gắng dành thời gian cập nhật thêm để phiên bản này hoàn chỉnh hơn nữa. Hy vọng tài liệu sẽ tiếp tục có ích với nhiều bạn đang học tiếng Anh nói chung và học viết cho kỳ thi IELTS nói riêng.

Các bạn đã sử dụng sách và thi có thể báo điểm hoặc đơn giản là nhắn tin báo về sự tiến bộ của các bạn cho mình qua [facebook.com/dinhthangielts](https://facebook.com/dinhthangielts) hoặc email [thangwrm@gmail.com](mailto:thangwrm@gmail.com) để mình biết. Rất mong tin từ các bạn.



“Mình để ý có nhiều số bạn vừa vào học IELTS một thời gian ngắn đã lao vào viết essay!!! Cá nhân mình công nhận là viết được 1 bài hoàn thiện nhìn cũng thích và có thêm động lực để viết tiếp. Tuy nhiên thì cốt lõi của việc viết theo mình vẫn nên là viết câu. Khi bạn viết được một câu rõ nghĩa, hạn chế tối đa lỗi ngữ pháp thì mới thực sự là tiến bộ về writing. Một trong những cách cải thiện chất lượng câu là tập diễn đạt câu từ tiếng Việt. Tất nhiên, khuyến khích bạn nên tìm ai đó chữa câu cho bạn để biết mình đang sai ở đâu. Đây cũng là việc mình thường xuyên phải làm với các bạn học sinh của mình: Chữa từng câu cho các bạn ấy cho đến khi “sạch bóng” các lỗi cơ bản, câu đảm bảo tính rõ ràng, nếu có lỗi thì chỉ là các lỗi khó phát hiện vd như quán từ a/an/the”



## Chú ý

1- Nhiều câu được viết trên cơ sở diễn đạt từ ý tiếng Việt, nhưng mình nghĩ là bạn nào đọc kỹ sẽ thu được chút gì đó. Hy vọng là có một số lượng tương đối bạn ủng hộ để mình có thêm động lực update tài liệu này và chia sẻ với mọi người.

2- Một số bạn hiểu làm việc diễn đạt bằng tiếng Việt là tư duy bằng tiếng Việt. Thực ra thì đây chỉ là phương pháp học thôi. Trong quá trình viết, mình vẫn thường bắt các bạn học sinh viết theo lối “Tây” nhất có thể, tránh bị ảnh hưởng bởi việc dịch các cấu trúc trong tiếng Việt. Và kết quả là các bạn học viên của mình tiến bộ rõ rệt sau khoảng 5 buổi học viết câu.

3- Một số câu mình viết theo 2 cách khác nhau. **Đôi khi câu dịch nghĩa** sắc thái ý nghĩa **có thể hơi khác câu gốc**, nhưng mình vẫn giữ lại các câu đó để mọi người tham khảo. Thực tế thì lúc diễn đạt **trong IELTS writing**, mọi người đôi khi **cần diễn đạt được một ý trọn vẹn để đảm bảo bảo vệ luận điểm trong bài văn**, hơn là cố gắng diễn đạt chính xác 100% những gì trong đầu.



# 01– MỘT SỐ CÁCH VIẾT LẠI CÂU (PARAPHRASE)

Paraphrase - diễn đạt lại câu nhưng ý chính không đổi là 1 kỹ năng rất quan trọng trong lúc viết và các bạn học sinh của mình thường gặp khó khăn với kỹ năng này

Ví dụ

**Many women are choosing to have children when they are older**

Có 1 số cách có thể paraphrase câu trên như sau

## 1 - Thay thế từ gốc bằng từ đồng nghĩa

Many -> a large number

choose -> opt

have children → give birth

Câu sẽ khác đi so với câu gốc:

**A large number of women are opting to give birth when they are older**

## 2. Thay đổi về mặt ngữ pháp

Câu gốc nói về xu hướng phụ nữ thay đổi thời điểm sinh nở

-> Sử dụng cụm từ về xu hướng: There is a tendency for smb to do smth

Câu gốc sẽ trở thành:

**There is an increasing tendency for women to have children later in their lives**



## 02 - ĐA DẠNG HÓA CẤU TRÚC CÂU

Đôi lúc 1 số bạn thắc mắc về việc làm sao để đa dạng hóa cấu trúc câu để giúp bài viết bớt tẻ nhạt, nhưng vẫn giữ được yếu tố đơn giản. Câu trả lời cho vấn đề này là: Hãy thử bắt đầu câu bằng nhiều cách khác nhau

### VÍ DỤ 01

#### CÂU GỐC

*"The government should create more employment opportunities for young people"*

Chú ý: Như đã nói trong phần mở đầu, mình không nhằm mục đích giữ nguyên 100% ý của câu gốc. Ở đây, mình muốn đưa ra nhiều cấu trúc câu để giúp bạn có nhiều lựa chọn hơn lúc viết.

#### 1. Bắt đầu câu với IT

***It** is important for the government to create more employment opportunities for young people*

#### 2. Bắt đầu câu với THERE

***There** is a need for the government to create more employment opportunities for young people*

#### 3. Bắt đầu câu với WITH

***With** the labour market becoming increasingly competitive, the government should create more employment opportunities for young people.*

Vậy là có ít nhất 3 cách tương đối giống nhau để diễn đạt một ý

Chú ý cấu trúc: **With S1 V1-ing..., S2 V2...**

#### 4. Bắt đầu câu với V-ING

***Creating** more employment opportunities for young people should be done by the government*





Chú ý sử dụng động từ phù hợp. Ở đây cụm động từ chính của câu là TO BE DONE BY thay vì CREATE như trong câu gốc.

## 5. Câu bị động

*More employment opportunities for young people **should be created** by the government*

--Có thể bổ sung thêm **AS A WAY TO...**

*More employment opportunities should be created by the government AS A WAY TO support young job seekers.*

--Một cách khác nữa cũng sử dụng bị động đó là đưa "young people" lên đầu câu  
*Young people should be given more job opportunities by the government.*

## 6. Bắt đầu câu với AS

***As** the labour market becomes increasingly competitive, the government should create more employment opportunities for young people.*

Câu dạng này có thể bổ sung "It is thought by some that" hoặc "It is sometimes argued that" vào sau dấu phẩy để tạo thành thông tin mang tính nhận định – câu mở đầu của essay.

## 7. Bắt đầu câu với IN ORDER TO

***In order to** support young people, the government should create more job opportunities for them.*

## VÍ DỤ 02

### CÂU GỐC

*We should recycle regularly in order to combat climate change.*

Chú ý: Như đã nói trong phần mở đầu, mình không nhằm mục đích giữ nguyên 100% ý của câu gốc. Ở đây, mình muốn đưa ra nhiều cấu trúc câu để giúp bạn có nhiều lựa chọn hơn lúc viết.

### 1. Bắt đầu câu với IT

***It** is important to recycle on a regular basis as a way to reduce the effects of climate change.*



## 2. Bắt đầu câu với THERE

**There** is a need to make recycling part of our everyday lives in the fight against climate change.

## 3. Bắt đầu câu với WITH

**With** climate change becoming more serious than ever, we should get into the habit of recycling regularly in order to address this issue.

Chú ý cấu trúc: **With S1 V1-ing..., S2 V2...**

Vậy là có ít nhất 3 cách tương đối giống nhau để diễn đạt một ý

## VÍ DỤ 03

Khi diễn đạt một câu có quan hệ nguyên nhân - kết quả thì dễ nhất là sử dụng câu điều kiện:

CÂU GỐC

*If children gain effective communication skills at school, they are more likely to be successful in their future careers.*

Để viết lại câu trên theo cách khác thì có thể sử dụng 2 cách sau

### 1. SỬ DỤNG CÁC CỤM DANH TỪ

Đưa các S+V+O thành Noun Phrase. VD:

- \* children gain effective communication skills -> effective communication skills
- \* they will be more likely to be successful in their future careers -> career success

Câu viết lại sẽ thành

**Effective communication skills** (gained from schools) may contribute to **career success** later in life.

### 2. SỬ DỤNG MỆNH ĐỀ PHỤ BẮT ĐẦU VỚI HOW

The communication skills children gain at school may affect **how successful they are in their future careers**



## 03 – MỘT VÀI CÂU DỊCH ĐIỂN HÌNH VÀ PHÂN TÍCH LỖI THƯỜNG GẶP

### 1. Nhiều học sinh thường gặp khó khăn khi tìm việc làm sau khi tốt nghiệp

Một số bạn có thể dịch là: *Many students often meet difficulty after they graduate* (\*). Câu này sai vì cụm từ "meet difficulty" không tồn tại

Thứ hai nữa là cách nói *after they graduate* làm câu dài hơn vì đây là 1 mệnh đề phụ. Thay vào đó, nên dùng các cụm từ như "after graduation" hoặc hay hơn: thay chủ ngữ bằng cụm từ "university graduates" là cách nói mà người Anh bản địa thường dùng.

**Many students often have difficulty getting a job after graduation**

Hoặc **Many students often have problems finding work** upon graduation

Hoặc **Many university graduates struggle** to find work

### 2. Có một vài lợi ích của các môn học nghệ thuật ở trường

Cách 1

*There are several benefits of arts subjects at school*

Cách 2

-Thay thế cụm từ arts subjects → Arts-based subjects

-Bổ sung thêm từ the provision

- Thay thế cụm từ at school → within a school environment

*There are several benefits of the provision of arts-based subjects within a school environment*

### 3. Theo ý kiến của tôi, sẽ tốt hơn nếu trẻ em đi học tiểu học khi chúng được 5 tuổi

Nhiều bạn hay dịch "đi học tiểu học" là "start to go to primary school". Tuy nhiên, các báo chí nước ngoài thường viết là ngắn gọn là "start school".

Rất nhiều bạn khi dịch vẫn thêm chữ "if" vào trong khi không thật sự cần thiết. Thêm chữ if vào tức là thêm 1 mệnh đề phụ. Trong khi đó, chỉ cần dùng cấu trúc **It + (be) + adj + for smb + to V**. Từ "if" nếu thêm vào thì chỉ có "tác dụng" là làm câu dài thêm và khó đọc hơn.



*In my view, **it would be better for children to start school** when they reach five years of age.*

Thay vì việc viết mệnh đề phụ “when they reach five years of age”, ta có thể sử dụng cụm “at the age of five”. Như vậy câu viết trông sẽ đơn giản và rõ ràng hơn rất nhiều.

*In my view, it would be better for children to **start school at the age of five**.*

#### **4. Không dễ cho đa số các bạn trẻ khi tìm việc làm ở các thành phố lớn**

Một lần nữa ta có thể áp dụng cấu trúc **It + (be) + adj + for smb + to V**


*It is not easy for most young people to find work in big cities.*

Hoặc có thể bắt đầu câu với Verb+-ing

*Finding work/employment in a big city has never been easy for **young job seekers**.*

#### **5. Trẻ em có thể có được nhiều kinh nghiệm thực tế nếu chúng đi làm sớm**

Children can **gain a great deal of practical experience** if they **start work from a young age**.

Nhìn chung, từ  experience nếu để ở dạng đếm được (số nhiều) thì mang nghĩa là “trải nghiệm”. Nếu để ở dạng không đếm được thì mang nghĩa là “kinh nghiệm”. Nhiều bạn không biết điều này nên thường ghi là expenriences -> Sai.

#### **6. Trẻ em nên được dạy cách tự lập từ bé.**

Cụm từ “từ bé” nếu dịch theo văn phong tiếng Việt có thể là: „when they are young“..., thực tế thì chỉ cần sử dụng 1 cụm từ là “from a young age”

Children should be taught to be independent from a young age

OR

Children should be **trained in** life skills from a young age

#### **7. Nếu học sinh chăm chỉ, chúng sẽ có thể dễ dàng thành công hơn trong sự nghiệp.**



If students work hard, they **will be more likely to** be successful in their (future) careers.

## 8. Sự chăm chỉ đóng vai trò quan trọng cho thành công trong sự nghiệp

Hard work plays an important role in career success.

Có thể thay hard work bằng diligence

Work là danh từ không đếm được chia số ít. Khi work là danh từ đếm được thì nó mang nghĩa khác. VD road works

## 9. Sẽ có lợi cho người già nếu họ tập thể dục thường xuyên

The elderly (old people) will stay healthy if they exercise regularly

Câu này mất 2 vế (2 lần dùng SVO) có thể rút gọn bằng cấu trúc **it be adj for smb to do smth**

It would be beneficial for the elderly to exercise on a regular basis.

## 10. Bằng cấp không phải lúc nào cũng đóng vai trò quan trọng vì có nhiều công việc đòi hỏi kinh nghiệm thực tế.

Qualifications are not always important because many jobs require real experience.

Many jobs require real/practical experience rather than qualifications

## 11. Đối với sinh viên đã tốt nghiệp, không dễ để có một mức lương cao

Dùng cấu trúc **FOR smb, it be adj to do smth** (chỉ là đổi chỗ for smb từ câu 9)

**For** (university) graduates, **it is not easy to** get a high-paying job.

It has never been easy for recent graduates to find well remunerated work

## 12. Điều mà nhiều sinh viên tốt nghiệp mong muốn là một công việc có mức lương cao

Có thể triển khai viết câu trên bằng **Cleft sentence**



**What** many university graduates need is a high-paying job

### 13. Thị trường lao động ngày càng cạnh tranh khiến nhiều người không có bằng cấp khó có thể tìm được công việc tốt.

The labour market is becoming increasingly (formal hơn dùng more and more) competitive, which causes many people who do not have any qualifications to find it difficult to get a good job.

Câu trên không sai về mặt ngữ pháp nhưng nó dài dòng vì cấu trúc theo dạng: SVO, which VOwho VO. Trong đó có 2 mệnh đề phụ.

Xử lý cho ngắn hơn

→ **The labour market is becoming increasingly competitive**, which causes many people without any qualifications to struggle to get a good job.

Cấu trúc hiện tại: SVO, which VO

Xử lý cho ngắn hơn bằng cách sử dụng Noun-phrase ở về trước và theo sau bằng động từ MEAN

→ **An increasingly competitive labour market** means that many people without any qualifications struggle to get a good job

Tiếp tục sử dụng Nounphrase cho về sau:

**An increasingly competitive labour market** means fewer job opportunities for unqualified people.

**Như vậy từ một câu có 2 mệnh đề phụ và 3 động từ đã trở thành câu chỉ có duy nhất 1 động từ.**



## 04 – MỘT SỐ TỪ THAY THẾ PHỔ BIẾN

Mục đích: Tránh việc phải lặp đi lặp lại từ trong lúc viết

### 1. CHILDREN

Từ thay thế:

- (Primary/Primary) **Schoolchildren**

The government should ban advertising aimed at primary schoolchildren

- **Pupils** = Học sinh của một trường học cụ thể. Có thể dùng làm ví dụ.

A primary school in London started to provide free meals for its pupils last year.

### 2. SCHOOL

Từ thay thế:

- **Educational institution** = cơ sở giáo dục, có thể là mẫu giáo hoặc tiểu học đến đại học.

In some educational institutions, there are significantly more males than females.

### 3. PEOPLE

Từ thay thế: The public, humans, many

#### **The public**

- The government should provide better education and health services for the public.
- The public should have better access to education.



**Humans** - Có thể dùng với cụm We as humans

We as humans should take action to protect the environment

**Many/Some** - Thay vì dùng many/some people.

For many, money is even more important than their family.

### 3. GOVERNMENT

**The authorities** - Những người đứng đầu hoặc các tổ chức lãnh đạo một đất nước hoặc 1 vùng cụ thể.

The authorities should treat each citizen with an equal amount of respect.

**Political leaders** – Những nhà lãnh đạo chính trị

Political leaders should use their position to bring greater understanding of the dangers of human trafficking

#### LỜI KHUYÊN

Nên đọc nhiều và tích cực tra cứu từ điển để có thể dùng từ đúng ngữ cảnh và **TRÁNH sử dụng từ máy móc** vì điều này sẽ dẫn đến khó hiểu cho người đọc. Trong bài thi IELTS, cố gắng sử dụng từ càng chính xác bao giờ cũng tốt hơn là dùng từ đao to búa lớn nhưng sai ngữ cảnh. Bạn nào đi học có thầy cô chữa bài chi tiết thì nên tận dụng việc này vì sẽ biết được từ mình đang dùng có phù hợp hay không





## 05 - CÁCH VIẾT MỞ BÀI

Một vài thông tin cần được nhắc đến trong mở bài

1. Thông tin liên quan đến đầu bài (the fact)
2. Ý kiến cá nhân của bạn (và ý kiến đối lập) Your personal view (the opposite view)

**Dưới đây là cách trình bày theo hướng thiên về 1 phía (partly agree/disagree)**

### VÍ DỤ

Chẳng hạn ta có đề bài như sau

***Many people think modern communication technology is having some negative effects on social relationships. Do you agree or disagree?***

### Viết mở bài gồm 03 câu

With advances in science and technology, the way we communicate has changed significantly **(the fact)**. Many people believe that modern ways of communicating might be having adverse impact on relationships between people **(the opposite view)**. However, I would argue that we are more likely to widen our social circles thanks to the introduction of such technological innovations as mobile phones and the Internet **(Your personal view)**. **(58 words)**

### Tóm gọn 02 câu đầu lại thành 01 câu và rút gọn câu số 3

With communication technologies becoming part of our everyday lives, it is thought by many that relationships between people have been adversely affected **(the opposite view)**. While there are some reasons why this could be the case, I believe that these technologies are more likely to have a positive impact on social relationships **(your personal view)**. **(49 words)**

### Hoặc đơn giản hơn nhưng vẫn đầy đủ thông tin

**It is sometimes argued that + the opposite view (chú ý paraphrase đề bài). While this could be true to a certain extent, I believe (your personal view)**

**It is sometimes argued that** communication technologies have an adverse impact on relationships between people **(the opposite view)**. **While this could be true to a certain extent, I believe** modern ways of communicating are more likely to have a positive impact on social relationships **(your personal view)**. **(41 words)**

Cách thứ 3 này nhìn chung phù hợp với các bạn mục tiêu 6.5-7.5 writing.



## 06- CÁCH VIẾT TOPIC SENTENCE

Topic Sentence là câu tóm lược ý chính của đoạn văn. Khi viết câu này cần/nên đảm bảo các tiêu chí: Ngắn gọn - Tổng quát ý - Rõ ràng.

Ví dụ 1 paragraph về lợi ích của việc chơi thể thao. Có thể viết topic sentence theo một số cách như sau:

### 1. Bắt đầu câu với Chủ thể là We/Players

Clearly, **we** can gain several benefits from playing sports.

### 2. Bắt đầu câu với THERE

Clearly, **there** are several benefits of playing sports at a young age.

### 3. Vẫn bắt đầu câu với THERE nhưng sau benefits là mệnh đề phụ

Clearly, there are several benefits (that) we can gain from playing sports.

### 4. Đưa ra các lợi ích cụ thể ngay trong câu mở đoạn. Ví dụ nếu bạn viết về các lợi ích về mặt sức khỏe và xã hội của việc chơi thể thao thì có thể viết câu như sau:

Clearly, we can gain some **HEALTH** and **SOCIAL** benefits from playing sports.

Hoặc

Clearly, there are several **HEALTH** and **SOCIAL** benefits associated with playing sports.

Hoặc

Sports can bring many benefits, both in terms of health and social interaction.

Hoặc nói cụ thể hơn nếu có thể

**Maintaining good health** as well as **widening social circles** could be regarded as the two major benefits of regular sporting activities.

Hoặc

Taking part in sport regularly can provide two positive outcomes: **good health** and **the opportunity to widen social circles**.



Như vậy sẽ khiến người đọc biết được bạn định viết gì trong phần còn lại của đoạn văn. Tuy nhiên, cần cân nhắc tốc độ viết bài và khả năng từ vựng của bạn để lựa chọn cách viết thích hợp.



## 07 CÁCH VIẾT SUPPORTING SENTENCE

Trong khi viết essay, thay vì việc sử dụng Firstly, Secondly có thể khiến nội dung bài viết của bạn không được đánh giá cao thì bạn có thể cân nhắc sử dụng cụm FROM A/AN ... PERSPECTIVE = XÉT VỀ MẶT ....(GIÁO DỤC/ Y TẾ/...)

1. Khi nói đến tiền bạc, ngân sách nhà nước có thể viết

**FROM AN ECONOMIC PERSPECTIVE**, the government should not waste public money on space research

2. Khi nói đến mảng giáo dục, đào tạo có thể viết

**FROM AN EDUCATIONAL PERSPECTIVE**, using mobile phones can affect children's ability to concentrate during class.

3. Khi nói đến sức khỏe có thể viết

**FROM A HEALTH PERSPECTIVE**, those who exercise on a regular basis are less likely to face health problems than those who do not.

### CHÚ Ý

Vì mình thấy nhiều bạn gặp khó khăn đặc biệt với chính tả (bao gồm cả tiếng Việt lẫn tiếng Anh) nên từ perspective nếu thấy khó nhớ có thể thay bằng 'POINT OF VIEW'. Nếu thấy khó nhớ nữa thì có thể dùng Firstly, Secondly.

Ngoài ra có thể sử dụng 2 cụm sau để phân chia về ảnh hưởng của một hiện tượng/hành động ở các cấp độ cá nhân và xã hội.

Ví dụ như khi nói về tác động của thể thao có thể viết 2 câu supporting như sau

**On a personal level**, a person could maintain good health by playing sports.

**On the societal level**, healthy members can make great contributions to society.



# 08- CÁCH VIẾT VÍ DỤ

## 8.1 Thay thế cho For example/instance

Khi viết essay, ngoài các cụm từ quen thuộc như "For example" hay "For instance", mọi người sẽ sử dụng cách nào để đưa ra ví dụ mà không lặp lại các cụm từ trên?

Nếu bạn nào chưa biết làm thế nào có thể tham khảo 1 vài cách sau nhé

- 1- A good example of this is (that) = A typical example of this is that
- 2- To illustrate,
- 3- This has been proved
- 4- This is particularly the case for ...( = this is true for)

### Ví dụ

Câu gốc

Playing video games can be very harmful. For example, many students find it hard to concentrate on their studies due to prolonged exposure to a screen.

### Cách 1

Playing video games can be very harmful. **A GOOD EXAMPLE OF THIS** is that many students find it hard to concentrate on their studies due to prolonged screen exposure

### Cách 2

Playing video games can be very harmful. **THIS IS PARTICULARLY THE CASE FOR** those who are unable to concentrate on their studies due to prolonged screen exposure

## 8.2 Một vài cách để paraphrase khi phải đưa ra ví dụ theo dạng liệt kê.

Các ví dụ bên dưới do mình viết cho các bạn có mục tiêu writing 7+. Công thức là: Câu 1: There are ways/reasons..... . Câu 2: These could include A, B and C. hoặc These could range from A to B. Như vậy, các bạn có thể tránh được việc phải dùng cụm từ "for example".

### Ví dụ 01

Thay vì viết



There are numerous ways for the government to help poor people. For example, it can provide them with accommodation and free medical treatment.

### Có thể viết

***There are numerous ways*** for the government to help poor people. ***THESE COULD RANGE FROM*** providing a roof over their head ***TO*** offering free - or at least more affordable - medical treatment, both of which are basic necessities.

### Ví dụ 02

#### Thay vì viết

There are many reasons that a person might need to take the IELTS test: getting a job, studying abroad, and applying for permanent residence.

### Có thể viết

***There are many reasons*** that a person might need to take the IELTS test. ***THESE COULD INCLUDE*** getting a job, studying abroad, and applying for permanent residence.



# 09- MỘT SỐ VÍ DỤ VỀ PARAPHRASE

## 9.1 Thay thế cho Try & Spend money

Có 1 từ khá hay trong lúc viết mà mọi người có thể dùng là từ RESOURCES

*Resources = all the money, property, skills etc that you have available to use when you need them*

1- Trong 1 số trường hợp, thay vì viết từ TRY TO hoặc MAKE AN EFFORT TO

Có thể viết **PUT MORE RESOURCES INTO**

Ví dụ

The government tries to ensure (that) global companies pay their taxes in the UK

⇒ The government should **PUT MORE RESOURCES INTO** ensuring global firms pay their taxes in the UK

2. Thay vì viết spend money on smth hoặc hire more people to do smth

Ví dụ

The government needs to spend more money on building cheap houses

⇒ The government needs **TO PUT MORE RESOURCES INTO** building affordable housing

## 9.2 Thay thế cho cannot & difficult

Trong lúc viết, nhiều bạn gặp khó khăn trong việc paraphrase từ "cannot" hoặc "difficult".

VD như:

***Many children CANNOT read or write because the quality of education is decreasing.***

Hoặc 1 số bạn dùng cụm từ: ...FIND IT DIFFICULT TO ....

Dưới đây là 2 cách khác mà mọi người có thể dùng để thay thế cho 'cannot' và 'difficult' nhé

### **CÁCH 1: Sử dụng từ 'struggle'**

Many children **STRUGGLE** to read or write because the quality of education is decreasing.

### **CÁCH 2: Sử dụng cụm từ 'leave smb unable to do smth'**

The quality of education is decreasing, which **LEAVES** many children **UNABLE** to read or write



### 9.3. Thay thế cho related to

Câu gốc

There are social and medical problems related to the use of mobile phones

Một số từ có thể sử dụng

#### Associated with

There are social and medical problems **associated with** the use of mobile phones

#### Drawbacks involved in V-ing

There are several health and social **issues involved in** using mobile phones

### 9.4 Thay thế cho từ such as

Câu gốc

Many people worldwide are facing health problems such as cancer

Có thể dùng **INCLUDING (động từ gốc là include)**

Many people worldwide are facing health problems **including** cancer

### 9.5 Thay thế cho affect one's health

Nhiều bạn khi diễn đạt việc gì đó ảnh hưởng đến sức khỏe thường dùng "have a negative impact on people's health" hoặc đơn giản hơn là "affect people's health". Sau đây mình chia sẻ 2 cách khác mọi người có thể dùng

1. **X is at the expense of people's health.** = X được phát triển/thực hiện dựa trên việc hy sinh lợi ích sức khỏe của con người

Câu gốc

The smoking industry can contribute greatly to economic growth, but smoking affects people's health





Viết lại

While the smoking industry can contribute to economic growth, this is **AT THE EXPENSE OF PEOPLE'S HEALTH**

## 2. X puts people's health at risk = X chứa đựng nguy cơ về sức khỏe

Câu gốc

Air pollution affects people's health.

Viết lại

Air pollution levels in big cities have been on the rise, **PUTTING PEOPLE'S HEALTH AT RISK.**

## 3. X represents a danger to health = X ẩn chứa nguy hiểm đến sức khỏe

Câu gốc

The consumption of wild animals is harmful to people's health

Viết lại

The consumption of wild animals **represents a danger to the health of the public.**

## 9.6 Thay thế cho (children) grow up

Câu gốc

If children are maltreated, when they grow up, their health will be not good  
= Nếu trẻ em bị ngược đãi thì khi lớn lên sức khỏe của chúng sẽ không tốt

### Dưới đây là 02 cách không quá phức tạp để cải thiện câu phía trên

1. Dùng cấu trúc [S Ved O as children are more likely to ....]

**Those who WERE MALTREATED AS CHILDREN are more likely to have poor health later in life**

2. Dùng cấu trúc [S Ved O as children grow up to...]

**Those who were maltreated as children often GROW UP TO HAVE health problems**

## 9.7 Sử dụng hiệu quả hơn từ AS



Từ AS thường được dùng với nghĩa giống WHEN (Khi mà) hoặc BECAUSE (Bởi vì). Tuy nhiên, ngoài các nghĩa này ra, từ AS sử dụng khá phổ biến trong cả văn viết lẫn văn nói. Dưới đây là một số ví dụ

### 1. NÓI VỀ HOẠT ĐỘNG NHÓM HOẶC GIA ĐÌNH

- teamwork skills

Câu gốc

Teamwork skills play an important role in school success.

Viết lại sử dụng AS

The ability to work together AS A TEAM plays an important role in success at school

Câu gốc

Shopping has benefits if the whole family goes together

Viết lại sử dụng AS

To a certain extent, shopping has benefits if they go together AS A FAMILY

### HOẶC KHI NÓI VỀ NGHỀ NGHIỆP

Câu gốc

He wants to get a job, which is related to English language teaching.

Viết lại sử dụng AS

He is applying for a job AS AN ENGLISH LANGUAGE TEACHER.

### 2. KHI NÓI VỀ CÁC CÁ THỂ NẪM MỘT PHẦN TRONG MỘT NHÓM

- Ví dụ như khi nói về các môn học trong chương trình học

Câu gốc

Schools should introduce arts subjects

Viết lại sử dụng AS PART OF

Arts subjects should be included AS PART OF the school's curriculum.

- Hoặc khi nói về kế hoạch

- Ví dụ như khi nói về các môn học trong chương trình học

Câu gốc



Many schools are trying to make best use of technology. This is part of a plan to cut expenses.

Viết lại sử dụng AS PART OF

Many schools are trying to make best use of technology AS PART OF A PLAN to cut expenses.

### 3. KHI ĐIỂN TẢ MỘT THÔNG TIN CÓ KÈM MỤC ĐÍCH

Câu gốc

The government has launched many educational campaigns. The purpose of these campaigns is to raise public awareness of environmental issues.

Viết lại sử dụng AS A WAY TO

The government has launched many educational campaigns AS A WAY TO raise public awareness of environmental issues.

### 9.8 Thay thế cho từ LIFE

Một từ khá dễ dùng trong writing là từ LIFE. Tuy nhiên nhiều bạn chỉ nắm được những cách nói đơn giản của từ này. Dưới đây mình chia sẻ một số cách nói mà mọi người có thể bắt gặp trong các báo chí, tài liệu của các bạn Tây :D :D và tất nhiên, sẽ rất tốt nếu dùng các cụm từ này trong IELTS.

Câu gốc

Many children do not enjoy their studies at school hoặc đơn giản nói Many children do not like to study at school.

Viết lại

Some children find SCHOOL LIFE harder than others

2. Trong các chủ đề như cities & the countryside (thành thị và nông thôn), một số bạn có thể nói

Many people find life in a big city less enjoyable than (that) in the countryside.

Thay vì như trên, có thể nói như sau

For many, CITY LIFE is less enjoyable than COUNTRYSIDE LIFE

### 9.9 Educate

Trong bài thi viết, đôi khi bạn sẽ cần phải kết thúc bài bằng 1 câu mang tính chất giải pháp cho vấn đề, và thường là liên quan đến 'educate'. Mình gợi ý một vài cấu trúc có thể sử



dụng khi nói về trách nhiệm của chính phủ đối với giáo dục, bạn nào thấy hay thì có thể lưu lại nhé :D :D

Câu gốc: The government should educate ...

Viết lại

1- launch educational programmes to do smth

*The government should **launch educational programmes** to discourage smoking*

2- raise public awareness of

*The government should **raise public awareness of** the potential dangers of video games.*

3 through educational initiatives

*The government should help young people develop a sense of national pride **through educational initiatives.***

## 9.10. Sử dụng từ PART

### 9.10.1. Khi nói về đất nước

Thay vì viết: In many countries

Có thể viết: In many parts of the world

***In many parts of the world**, children have little access to basic necessities such as food or water.*

Thay vì viết In developing/developed countries

Có thể viết → In developing/developed parts of the world (such as the UK and the US)

*Many young people are seeking employment **in developed parts of the world** such as the UK and the US.*

### 9.10.2. Khi giới thiệu thông tin về thành viên, các thông tin mang tính chất sở hữu

Being a member of a sports team is a great way to maintain good health.

Có thể viết thành

*Being **part of** a sports team is a great way to maintain good health.*

Thay vì viết

There should be arts subjects in the school curriculum



Viết lại sử dụng AS PART OF

*Arts subjects should be included **as part of** the school curriculum.*

### 9.10.3. Hoặc khi nói về kế hoạch

Thay vì viết

The government is trying to provide poor people with better access to jobs. The purpose of this plan is to reduce poverty.

Viết lại 2 câu trên sử dụng AS PART OF A PLAN/SCHEME TO

*The government is trying to provide poor people with better access to jobs **as part of a scheme to** reduce poverty.*

### 9.10.4. Hoặc khi nói về thời gian

Thay vì viết

Many children these days spend a lot of time playing video games

Viết lại cụm từ spend a lot of time thành SPEND A GOOD PART OF THEIR TIME

*Many children these days spend **a good part of their time** playing video games*

## 9.11 Sử dụng từ SENSE

SENSE là một từ được sử dụng rất nhiều trong văn học thuật. Từ này có thể dùng để thay thế cho những từ đơn giản như feel hoặc think.

Chú ý các động từ đi kèm để tạo thành collocations

A person can develop/feel/find a sense of .....

Something can give/bring/foster/instill a sense of ...

### VÍ DỤ 1

Thay vì nói

*Teachers should make sure (that) students feel enjoyable when learning all subjects.*

Có thể nói

*Teachers should help students **develop a sense of enjoyment** in learning all subjects.*

### VÍ DỤ 2

Thay vì nhiều bạn hay nói là a stable job, nhiều tài liệu sách báo của Tây thường dùng



a sense of job security - cảm giác có công việc ổn định

Thay vì nói

*Most workers think that a stable job is very important*

Có thể nói

*For most workers, **a sense of job security** is very important*

### VÍ DỤ 3

**Khi nói về tinh thần/bản sắc/lòng tự hào dân tộc, có thể nói a sense of national identity/pride hoặc a sense of attachment to a country**

*Some songs can help (to) **foster a sense of national pride in** children.*

*Teachers need to **instill a sense of national pride in** students*

*Learning history can help to **develop/build a sense of attachment to** the country*

### 9.12 Thay thế cho từ DEVELOP

Khi viết essay, có một số câu nhiều bạn thường viết như sau

#### Ví dụ 1: Khi nói về phát triển ý tưởng

*Thay vì viết develop their ideas*

*Students can learn how to develop their ideas when they write an essay*

*Có thể dùng form their opinions on*

*Students can learn how to **form their opinions on** current affairs when they write an essay*

#### Ví dụ 2: Khi nói về phát triển nhân cách

*Thay vì viết develop their personalities.*

*Reading books every day is important for children as this habit helps develop their personalities.*

*Có thể viết form their personalities.*

*A daily reading habit is important for children as it helps **form their personalities.***

#### Ví dụ 3: Khi nói về phát triển/tạo dựng mối quan hệ

*Thay vì viết develop relationships*

*If a person wants to be successful in business, they need to develop relationships with customers*



Có thể viết form relationships

*If a person wants to be successful in business, they need to **form (long-lasting) relationships** with customers*

## 9.13 Sử dụng từ WITH

### 1. Cấu trúc WITH + Noun phrase

1a

Câu gốc:

There are many online shops these days, so consumers are often tempted to buy items that they do not genuinely need

Có thể viết lại theo cấu trúc WITH + Noun phrase

-> WITH the availability of online shops, consumers are often tempted to buy items that they do not genuinely need

1b

Câu gốc

Children will have to study at school for many years, so they will have many opportunities to learn how to manage their own emotions.

Có thể viết lại theo cấu trúc WITH + Noun phrase

-> WITH many years of schooling ahead, children will have plenty of opportunities to learn how to manage their own emotions

1d. Câu gốc

He has been working hard for many years, so he has eventually achieved his dream.

Có thể viết lại theo cấu trúc WITH + Noun phrase

Có thể viết lại

WITH years of hard work, he has eventually achieved his dream.

### 2. Cấu trúc WITH + Noun + Verb + -ing

Ví dụ 01

Câu gốc:

As the Internet is becoming increasingly popular, we can communicate with each other much more easily than before

Có thể viết lại theo cấu trúc WITH + Noun + Verb + -ing

WITH the Internet BECOMING increasingly popular, we can communicate with each other much more easily than before

Các ví dụ khác

Câu gốc:



With the job market BECOMING increasingly competitive, many young people struggle to have a decent standard of living

With housing prices already dropping, there have been more options than ever for families looking for accommodation

### 3. Cấu trúc WITH + Noun + for smb + to do smth, SVO

3a.

Câu gốc:

There are many courses at Brighton University, so it has always been a viable option.

Viết lại:

WITH plenty of courses FOR students TO choose from, Brighton University has always been a viable option.

3b.

Students might feel nervous when having to prepare for an exam. If they do not achieve a grade that at least helps them secure their entry to a university, then they might have to spend one more year studying. WITH ALL THIS TO COPE WITH, these students often suffer from constant stress as a result.

### Các ví dụ với WITH

1- Câu gốc:

*Children will have to study at school for many years, so they will have many opportunities to learn how to manage their own emotions.*

Viết lại:

*WITH many years of schooling ahead, children will have plenty of opportunities to learn how to manage their own emotions (Cấu trúc With + Noun phrase, SVO)*

2- Câu gốc:

*He has been working hard for many years, so he has eventually achieved his dream.*

Viết lại:

*WITH years of hard work, he has eventually achieved his dream. (Cấu trúc With + Noun phrase, SVO)*

3- Câu gốc:





*As the job market is becoming competitive, many young people struggle to have a decent standard of living.*

Viết lại:

*With the job market BECOMING increasingly competitive, many young people struggle to have a decent standard of living* (Cấu trúc With + S Verb ing O., SVO)

4- As one starts a new job, he or she might face a number of health problems, ranging from lack of sleep to increased stress levels. More seriously, some might feel isolated because they do not spend enough time with family. With all this to experience, these people might find getting a new job a stressful experience. (Cấu trúc With all this to V, SVO kết nối thông tin với các câu trước đó)

### 9.14. Cách tránh lặp lại từ HELP

#### Cách 1: Thay thế bằng cụm CONTRIBUTE TO

Câu gốc

*Arts subjects can help us feel attached to (gắn bó với) our country.*

Viết lại

*The introduction of arts subjects such as Music can **contribute to** a sense of attachment to the country.*

#### Cách 2: Có thể sử dụng cấu trúc MAKES IT EASIER THAN EVER FOR SMB TO DO SMTH

Thay vì viết

*The Internet helps us communicate with each other easily.*

Viết lại

*The introduction of the Internet **MAKES IT EASIER THAN EVER** for us to communicate with each other.*

#### Cách 3 Có thể sử dụng cấu trúc HELP SMB WITH SMTH

Thay vì viết

*Schools need to help children who face emotional problems.*

Viết lại

*Schools need to help children with emotional problems.*



#### Cách 4 Có thể sử dụng cấu trúc AS A WAY OF VERB+-ING

Thay vì viết

*Books help us learn more about life.*

Viết lại

*It is important to read books as a way of learning more about life.*

Chúc các bạn áp dụng tốt!

### 9.15 Cách diễn đạt khi nói về nền kinh tế

1. lead to the economic development of a nation
2. contribute to a prosperous nation
3. contribute to a healthier economy hoặc tốt hơn 1 chút là "the key to a healthier economy lies in smth"

Ví dụ

The key to a **healthier economy** lies in making education accessible to all.

### 9.16 Cách diễn đạt sự khó khăn

**Cách 1: TO FIND IT DIFFICULT TO DO SMTH** – Đây là cách đơn giản nhất

Ví dụ

*Many university graduates find it difficult to get a job as the labour market is becoming increasingly competitive*

**Cách 2: TO STRUGGLE TO DO SMTH**

Ví dụ

*People who live in big cities such as London might struggle to lead a decent life*



Cách 3: TO REQUIRE (CONSIDERABLE) EFFORT

Ví dụ

*Providing decent healthcare for the public requires considerable effort.*

**\*\*\* Ngoài ra, khi nói việc gì khó hơn việc gì có thể dùng cách sau  
THERE IS MORE EFFORT INVOLVED IN Verb+ -ing THAN IN Verb+-ing**

**Ví dụ:**

Thay vì nói

*It is more difficult to search for information on a website than in a library*

Có thể nói

*There is often more effort involved in searching for information in a library than on a website*

### 9.17. Cách sử dụng từ based

Từ BASED mình thường dùng trong một vài trường hợp sau. Mình nghĩ là không quá khó để nhiều bạn có thể học và áp dụng được

#### 1. ĐỂ PARAPHRASE

Ví dụ

- Thay vì nói online education có thể tránh lặp lại bằng cách nói Internet-based learning

- Thay vì nói arts/science subjects có thể tránh lặp lại bằng cách nói arts-based subjects hoặc science-based subjects

#### 2. ĐỂ NÓI ĐẾN VIỆC ĐÁNH GIÁ HAY LỰA CHỌN

2.1 Khi đánh giá ai/yếu tố gì đó

*Students should not be assessed solely based on their academic performance*

= Học sinh không nên được đánh giá chỉ dựa vào học lực mà còn dựa vào các yếu tố khác nữa.

2.2 Khi ai đó lựa chọn ai/cái gì đó

*Students choose their courses based on cost.*

= Học sinh chọn khóa học dựa vào chi phí)

Tương tự chúng ta có

based on AGE/GENDER/QUALITY ...



### 3. ĐỂ NÓI ĐẾN VIỆC CÔNG TY NÀO ĐÓ NẴM Ở ĐÂU

Thay vì nói

Many companies in Vietnam

có thể nói

Many companies based in Vietnam

### 9.18 Cách diễn đạt về kết quả học tập

Mình thấy vẫn có nhiều bạn lúc nói về việc học tốt/điểm cao ở trước thì chỉ nói là study well/better hoặc get high(er) scores. Mình gợi ý một số cách khác nhé

1. to attain better academic results
2. to improve their academic performance
3. to gain high-achieving academic results
4. to achieve good grades at school
5. to achieve school/academic success
6. to achieve better academic outcomes
7. to thrive at school ~ to become very successful at school
8. to be academically successful
9. to make significant academic progress

Vậy "học sinh đạt điểm cao" thì có thể diễn đạt thế nào? Thay vì nói 'students who get high scores' có thể nói

HIGH-PERFORMING STUDENTS hoặc TOP STUDENTS

Ví dụ:

*Only high-performing students can secure their places at Oxford University*

### 9.19. Diễn đạt yếu tố bệnh tật/tâm lý/mất mát/thiệt hại

#### 1. Khi nói về bệnh tật và các vấn đề tâm lý.

1.1 Thay vì sử dụng từ have và disease khi nói về vấn đề khi gặp sức khỏe

*Many people have/face diseases...*



Thì văn phong của Tây thường sử dụng suffer from health problems khi nói ai đó gặp vấn đề sức khỏe nói chung.

*Many young people these days **SUFFER FROM HEALTH PROBLEMS** as a result of prolonged exposure to a screen. (hoặc stress-related problems)*

1.2 Tương tự, khi nói về các vấn đề về tâm lý, ta cũng dùng suffer from.

**Students often **SUFFER FROM STRESS AND ANXIETY** before exams.**

**2. Tuy nhiên, khi nói về các chấn thương thì ta dùng suffer something (không có from)**

**Thay vì viết là**

*Children might have problems with their ears if they live near construction sites.*

**Có thể viết lại**

*Children might **SUFFER HEARING DAMAGE** if they live in the vicinity of construction sites.*

**3. Khi nói về những thiệt hại hay mất mát – suffer something**

Thay vì viết

Many companies are facing financial problems.

Có thể viết

*Harsh economic realities would mean many businesses **suffer heavy financial losses.***

Many businesses **suffered a severe blow** during and after the outbreak of the Corona virus.

## **9.20. CÁCH DIỄN ĐẠT CÁC YẾU TỐ NHIỀU/VƯỢT QUÁ/DƯ THỪA**

Khi diễn đạt những thứ quá nhiều/dư thừa, nhiều bạn chắc hẳn sẽ nghĩ đến các từ phổ biến như "a lot of", "too much" hay formal hơn là "a great deal of".

Tuy nhiên, có một số cách diễn đạt nữa cho các từ này mà các bạn có thể cân nhắc. Một trong số đó là từ BEYOND.

### **Ví dụ 01**

1a. Thay vì viết

Many people play video games as a way of relaxing. There are also A LOT OF other benefits.

Có thể viết lại như sau

The benefits of gaming could **GO FAR BEYOND** finding a sense of enjoyment.

1b. Thay vì viết



However, many gamers think the negative impacts of gaming addiction are not great. In fact, the negative impacts are MUCH/FAR GREATER than what they think.

Có thể viết lại như sau

The adverse impacts of gaming addiction (nghiện game) could **GO FAR BEYOND** what most gamers envisage (hình dung) .

### Ví dụ 02

Thay vì nói

The unemployment rate in Vietnam has been greater than 10% over the last 5 years.

Có thể viết lại thành

The unemployment rate in Vietnam has **RISEN BEYOND 10%** over the last 5 years.

### 9.21. Diễn đạt yếu tố bận rộn

Nếu bạn không muốn diễn đạt sự bận rộn bằng câu "Many people are very busy" thì mình gợi ý những cách sau mà bạn có thể cân nhắc sử dụng trong bài thi viết IELTS.

1. Một cách đơn giản là sử dụng cụm "working adults" để ám chỉ sự bận rộn

Thay vì viết

Many people are busy and do not have time for themselves because they have to work all day long

Có thể viết

Many **working adults** have little or no time at all for pursuing their personal hobbies.

2. Nói về việc thời gian rỗi bị giới hạn = free time becomes restricted

There are an increasing number of people whose **free time becomes restricted**.

3. Một cụm từ khá hay đó là "**work around the clock**"

Ví dụ

Many people **WORK AROUND THE CLOCK** and therefore have little time for their personal pastimes

4. Sử dụng từ **INUNDATED**

Many people **are inundated with work commitments** although they do need time to switch off. – ngập trong mớ công việc.

5. Sống trong trạng thái lúc nào cũng công việc. **An always-on culture.**

--Many people are struggling to switch off their smartphones, which could be seen as an **AN ALWAYS-ON CULTURE**.

-----**An always-on culture** is having a pernicious impact on today's young generations.



6. Ranh giới không rõ ràng giữa công việc và đời thường.

For many, there is **a subtle difference between work and home life.**

For many, there is **no clear boundary between work and private life.**

Many people **struggle to achieve a proper balance between work and personal life.**

### 9.22. Sử dụng từ **CIRCLE**

#### CÁCH ĐIỂN ĐẠT THÔNG TIN VỀ CÁC MỐI QUAN HỆ

Khi nói đến các mối quan hệ, nhiều bạn có thể sẽ nghĩ ngay đến từ relationship. Hoặc khi nói đến gia đình và bạn bè, tất nhiên đa số các bạn sẽ nghĩ đến từ family and friends. Tuy nhiên, có một từ mà các bạn Tây rất hay sử dụng để nói về các mối quan hệ đó là CIRCLE. CIRCLE = a group of people who know each other and meet regularly, or who have similar interests or jobs = Nhóm những người thân thiết hoặc có sở thích/công việc giống nhau.

Dưới đây mình viết một số ví dụ về từ này, hy vọng sẽ giúp các bạn hiểu rõ hơn và quan trọng là áp dụng được vào bài essay của IELTS.

#### 1. Khi nói về mối quan hệ gia đình hoặc với những người thân thiết

Câu gốc.

Without mobile devices and an Internet connection, most of us would struggle to contact people who live far from us.

Có thể viết lại thành

Without mobile devices and an Internet connection, most of us would struggle to contact anyone **OUTSIDE OF OUR IMMEDIATE CIRCLE.**

Trong đó: one's immediate circle = Những người có mối quan hệ gần gũi với một người = gia đình và bạn thân.

Chúng ta có thể thay cụm từ này bằng our circle of family and friends.

Sometimes we might want to share personal thoughts with those **outside of our circle of family and friends.**

#### 2. Khi nói về việc kết bạn hoặc mở rộng mối quan hệ, ta có thể dùng cụm các động từ như **WIDEN** hoặc **BUILD**

Ví dụ như mở rộng mối quan hệ xã hội

Thay vì viết The Internet allows us to make friends with many people.

Có thể viết

The Internet allows us to **WIDEN OUR SOCIAL CIRCLES**

Ví dụ như mở rộng mối quan hệ trong kinh doanh

**BUILDING UP A WIDE CIRCLE OF** customers and partners is the key to business success.



### 3. Khi nói về một nhóm những người cùng chung sở thích

Youtube is a popular platform that attracts **an ever-widening circle of** music lovers.

Tương tự, các bạn có thể nói ai đó, cái gì đó thu hút một cộng đồng đông đảo người theo dõi bằng cụm “attract an ever-widening circle of ....”

J.K Rowling has **attracted an ever-widening circle of** readers.

Hoặc

The introduction of libraries in rural areas has made books available to **an ever-widening circle of** young readers.





## 10 - CÁCH DIỄN TẢ THÔNG TIN PHỦ ĐỊNH

### CÁCH 1. Sử dụng từ NOTHING (có thể kèm little phía trước)

Câu gốc:

*Some people argue that the government cannot do anything to change young people's eating habits.*

Viết lại:

*---It is argued that there is (LITTLE OR) NOTHING that the government can do to change young people's eating habits.*

### CÁCH 2. Sử dụng từ FAIL hoặc PREVENT ... FROM...

Câu gốc:

*Many students cannot achieve their study goals due to poor language skills.*

Viết lại:

*Many students FAIL to achieve their study goals due to poor language skills*

Hoặc viết

*Poor language skills PREVENT many students from achieving their study goals.*

### Cách3. Sử dụng NOT ALL hoặc VERY FEW

Câu gốc:

*Many students cannot achieve high scores at school*

Viết lại:

*NOT ALL students can achieve high scores at school*

hoặc

*VERY FEW students can achieve high scores at school*



#### **Cách 4. Sử dụng LITTLE OR NO ... AT ALL**

Câu gốc:

*Many people spend too much time in the workplace, which means they do not have time for themselves.*

Viết lại:

*Many people spend too much time in the workplace, which means they have **LITTLE OR NO TIME AT ALL** for themselves*



# 11- CÁCH DIỄN TẢ THÔNG TIN CHỈ MỤC ĐÍCH

## 8.1 Sử dụng SO THAT

Đơn giản nhất là dùng câu ghép SVO, **so** SVO

He has been working hard throughout the year, so he can support his family financially.

Khi dùng SO THAT

SVO **so that** SVO

He has been working hard throughout the year **so that** he can support his family financially.

## 8.2 Sử dụng IN A WAY THAT

Một mẫu câu tuy đơn giản nhưng khá hay và có tính ứng dụng cao mà mọi người có thể dùng trong writing/speaking

... IN A WAY THAT...

### Câu gốc

Many people eat things like red meat, high-fat foods, etc

Hạn chế dùng 'etc' trong academic writing. Thay vì liệt kê nhiều thứ có thể viết lại như sau:

Many people eat **IN A WAY THAT** is harmful to their health

### Câu gốc

People should protect the environment

### Viết lại

People should live **IN A WAY THAT** is kinder to the environment

### Câu gốc

Students should use a learning method that is suitable for them

### Viết lại

Students should study **in a way that** is suitable for them

Nếu muốn nói là "học theo cách phù hợp nhất với họ"

Students should study **in the way that** is most suitable for them

Tham khảo: **Students should study in the way that best suits their abilities and interests.**



## 12- CÁCH DIỄN TẢ THÔNG TIN CHỈ LÝ DO

Thay vì sử dụng từ đơn giản như Because/Since/As để chỉ nguyên nhân của một việc gì đó thì chúng ta có thể dùng một trong những cách sau

Câu gốc:

Many textile companies based in Vietnam are producing large numbers of high-quality face masks because the demand for these masks is growing exponentially.

### 1. Sử dụng từ WITH (Xem thêm ví dụ về từ WITH trong sách này – Mục 9.13)

1.1. With + Noun phrase, SVO

**With the exponential demand for high-quality face masks**, many textile companies based in Vietnam are producing large numbers of these masks.

1.2. With + Noun + Verb-ing, SVO

**With the demand for high-quality face masks growing exponentially**, many textile companies based in Vietnam are producing large numbers of these masks.

### 2. Sử dụng từ GIVEN

2.1 Given + Noun phrase, SVO - Về phần này thì khá giống cấu trúc của từ with

**Given the exponential demand for high-quality face masks**, many textile companies based in Vietnam are producing large numbers of these masks.

Hoặc đảo ra phía sau câu

Many textile companies based in Vietnam are producing large numbers of high-quality face masks, **given the exponential demand for these masks**.

2.2. Given + the fact that SV(O), SVO

**Given the fact that the demand for high-quality masks is growing exponentially**, many textile companies based in Vietnam are producing large numbers of these masks.

### 3. (Much of) (a lot of) THIS COMES DOWN TO THE FACT THAT

Many textile companies based in Vietnam are producing large numbers of high-quality face masks. **(Much of) This comes down to the fact that** the demand for these masks is growing exponentially.



## 13 – ĐỘNG TỪ KHUYẾT THIỂU (MODAL VERBS)

Để đạt điểm tốt trong phần thi viết (6.5-7.0) thì nên cố gắng nắm chắc ngữ pháp, thay vì cố gắng sử dụng các cấu trúc cao siêu. Một số phần kiến thức mà không nhiều bạn để ý đến, trong đó có động từ khuyết thiếu (Modal verbs).

### 1. WILL

-Điều mà bạn sắp sửa làm (intention)

*In this essay, I will outline three measures that can be taken to make our world a better place to live.*

- Điều gì đó mà bạn nghĩ là chắc chắn xảy ra

*If children work hard, they will be successful at school*

Thực tế là không hẳn trẻ em nào làm việc chăm chỉ cũng sẽ thành công. Nên viết là:  
*If children work hard, they can be successful at school*

-> Chỉ nên dùng WILL khi nào bạn thấy điều đó chắc chắn xảy ra.

*Recycling will benefit the environment.* (Việc tái chế sẽ có lợi cho môi trường)

Ngược lại, nếu bạn nào quá cẩn thận và viết "Recycling can benefit the environment" thì có thể gây khó hiểu cho người đọc vì đây là điều hoàn toàn hiển nhiên.

### 2. MUST: Điều gì đó cần thiết phải làm

*In my view, the government must ensure that all children have access to education.*

### 3. CAN/COULD

- Khả năng của một ai đó



VD: He can swim.

Ngoài ra có thể dùng TO BE ABLE TO

He is able to swim

Hoặc DEVELOP THE

He needs to develop the ability to adapt to a new working environment

- Một việc gì đó có thể xảy ra (như trong ví dụ 1)

If children work hard, they can be successful at school

#### **4. WOULD**

Chỉ kết quả của việc thực hiện một điều nào đó - The consequences of implementing a suggestion

Governments should promote the use of public transport, which would help to reduce traffic congestion

It would be difficult to immediately ban private cars in the city center.



## 14- DIỄN ĐẠT YẾU TỐ TƯƠNG LAI

Thay vì viết đi viết lại cụm IN THE FUTURE, có rất nhiều cách viết khác nhau sau mọi người có thể áp dụng

### CÂU GỐC

If children read books regularly, they will be more likely to be successful in the future

### SỬ DỤNG CÁC CỤM SAU THAY THẾ CHO 'IN THE FUTURE'

1. ... later in life
2. ... at a later stage of life
3. ....as adults

### CÂU TRÊN SẼ CÓ THỂ ĐƯỢC VIẾT LẠI NHƯ SAU

1. If children read books on a regular basis, they will be more likely to be successful **LATER IN LIFE**
2. Reading books regularly can contribute greatly to success **AT A LATER STAGE OF LIFE**
3. Those who get into the habit of reading **FROM A YOUNG AGE** will be more likely to be successful **AS ADULTS**.

Chú ý việc sử dụng kết hợp với các cấu trúc ở các câu trên. Khá đơn giản nhưng lại hiệu quả.

1. If SVO, SVO
2. Danh động từ ở đầu câu Verb+-ing
3. Those who.... will be more likely to....

### Một số cụm khác nói về tương lai

1. In the upcoming years,
2. In years to come,
3. For years/weeks/days to come,
3. In a (5) years' time,
4. In the distant future,



## 15 - DIỄN ĐẠT YẾU TỐ QUÁ KHỨ

Đầu tiên là cụm từ mà ai cũng biết: IN THE PAST

To a certain extent, in the past, people were more laid-back than we are nowadays

Tuy nhiên, trong writing, chúng ta có thể sử dụng một số cụm từ khác có thể thay thế.

### 1. THROUGHOUT THE HISTORY OF

The museum provides information about important events **throughout the history of** Vietnam.

**Throughout the history of** mankind, tea has been consumed as a beverage in many cultures

### 2. TRADITIONALLY

Tea has been **traditionally** used as a beverage in many cultures.

### 3. HISTORICALLY

**At present**, many young people struggle to land decent employment. **Historically**, most university graduates secured a job in a governmental organization.





## 16- XỬ LÝ ĐỘ DÀI CÂU TRONG LÚC VIẾT

Đôi lúc bạn muốn viết **ngắn gọn nhưng vẫn giữ nguyên được ý chính**. (use fewer words which still convey the same meaning). Tác dụng của việc này rất lớn 1. ĐỠ MỠI TAY KHI PHẢI VIẾT DÀI :D 2. CỎ THỜI GIAN KIỂM TRA LẠI BÀI VÀ HẠN CHẾ CÁC LỖI SAI KHÔNG ĐÁNG CỎ. Để cắt giảm số từ trong lúc viết, các bạn có thể thực hiện một số cách như gộp câu và sử dụng Noun phrase (cụm danh từ).

### VÍ DỤ 01

**CÂU GỐC** Một vài nước đang gặp khó khăn về kinh tế. Vì vậy, các chính phủ các nước này đang cố gắng cắt giảm chi tiêu. Một vài bạn sẽ viết như sau:

Some countries are facing economic hardship. Therefore, the governments have tried to cut expenses.

class)

**BƯỚC 1** - Chúng ta thử kết hợp 2 câu này bằng cách sử dụng mệnh đề phụ chứa **WHICH**. Cụ thể là **SVO, which V O**.

Some countries are facing economic hardship, **which** causes the governments to implement (thực hiện) spending cuts (sự cắt giảm chi tiêu).

**BƯỚC 2** - Cấu trúc hiện tại: SVO, which VO

Xử lý cho ngắn hơn bằng cách sử dụng Noun-phrase ở về trước và theo sau bằng động từ **MEAN**. Cấu trúc S mean that SVO.

Harsh economic realities (thực trạng kinh tế khó khăn) **MEAN** that the governments in some countries have to implement spending cuts.

**BƯỚC 3** - Tiếp tục sử dụng Nounphrase cho về sau.

Harsh economic realities mean **spending cuts by the governments in some parts of the world**.



Như vậy từ 2 câu có 2 cặp SVO đã trở thành 1 câu với 1 cặp SVO. Bằng cách này, thay vì viết 300-400 từ, các bạn chỉ cần viết 250-270 từ nhưng vẫn đạt được chất lượng tương tự hoặc cao hơn lúc đầu.

## VÍ DỤ 02

Chẳng hạn 1 bạn học sinh viết như sau

1. Many companies are using large amounts of pesticides each year.
2. People should try to force the government to deal with this by introducing a law on restricting their usage

Nếu các bạn đọc nhiều các tài liệu tiếng Anh sẽ có thể thấy cụm từ "we as voters" - Chúng ta đóng vai trò là những người bỏ phiếu.

Và bây giờ nếu sử dụng cụm từ này thì 2 câu trên sẽ được tóm gọn lại như sau trong khi ý không thay đổi nhiều:

**"We as voters need to put more pressure on the government to object to the deployment of pesticides by companies"**



## ÁP DỤNG TRONG ĐỀ THI THẬT

Thực hiện: cô Như Ngọc  
Chỉnh sửa: thầy Đình Thắng

### 1. Bài 1

Xin chào các bạn!

Sau những bài chia sẻ kinh nghiệm học và thi IELTS, mình muốn chia sẻ “Cách viết câu trong đề thi thật” với nguồn tài liệu chính là cuốn “**HƯỚNG DẪN VIẾT CÂU TRONG IELTS WRITING**” của thầy Đình Thắng. Đây là cuốn mình đã sử dụng rất nhiều kể từ khi mình trình độ mình còn chưa cao cho đến giờ khi mình chuẩn bị thi lần thứ 2 vào quý I năm sau. Bên cạnh đó, mình cũng sẽ cố gắng áp dụng một số cụm từ trong cuốn “**HIGHLIGHT ACADEMIC PHRASES IN SIMON’S ESSAY**” của thầy nữa.

Mình sẽ bắt đầu với đề thi ngày 07/11/2021: “**Money spent on space exploration is a waste of resources, and it is better spent on other areas to better lives of humans on Earth. To what extent do you agree or disagree?**”

### PHÂN LÝ THUYẾT

Đầu tiên, mình sẽ trích dẫn phần lý thuyết trong cuốn “Hướng dẫn viết câu trong IELTS Writing” mà mình sẽ sử dụng khi viết đề thi này.

#### **Phần 5, trang 14**

Cách viết phần mở bài: **It is sometimes argued that + the opposite view (chú ý paraphrase đề bài). While this could be true to a certain extent, I believe (your personal view)**

#### **Phần 9, mục 9.1 (2), trang 20**

Khi triển khai ý ở phần thân bài, thay vì dùng “Spend money on something”, nên sử dụng cụm “**Put more resources into**”

Câu gốc: The government needs to spend more money on building cheap houses

Câu viết lại: The government needs **to put more resources into** building affordable housing.

### ÁP DỤNG CÁCH VIẾT VÀO ĐỀ THI THẬT

**Đầu tiên, phần mở bài mình sẽ viết như sau:**

**It is sometimes argued that** governments and companies should give priority to the improvement of the quality of life on Earth rather than to space research. **While this could be true to a certain extent, I believe that** it is crucial for humans to give financial support to space exploration.

**Khi mình viết triển khai ý:**

From an environmental perspective, the government should **put more resources into** advanced technologies that would help reduce carbon footprint and facilitate the use of renewable energy sources.

Như vậy, mình đã dùng được 2 cấu trúc trong cuốn “Hướng dẫn viết câu trong IELTS Writing” rồi. Thay vì chỉ đọc, mình nghĩ rằng cố gắng áp dụng như vậy sẽ rất tốt nhé!



## 2. Bài 2

Hôm nay, mình sẽ cùng các bạn tiếp tục áp dụng cấu trúc câu trong cuốn “**HƯỚNG DẪN VIẾT CÂU TRONG IELTS WRITING**” của thầy Đình Thắng vào các đề thi thật. Như chia sẻ ở bài trước, mình cố gắng áp dụng các cụm từ trong cuốn “**HIGHLIGHT ACADEMIC PHRASES IN SIMON’S ESSAY**” của thầy nữa.

Mình sẽ chuẩn bị cho đề thi ngày 12/11/2021: “**Nowadays, sports are a big business with high earnings for professional sports people and companies involved both financially and other ways. Is this a positive or negative development for sports?**”

### PHẦN LÝ THUYẾT

Như thường lệ, mình sẽ trích dẫn phần lý thuyết trong cuốn “Hướng dẫn viết câu trong IELTS Writing” mà mình sẽ sử dụng khi viết đề thi này.

#### **Phần 8, mục 8.1, trang 18**

Một số các viết ví dụ có thể sử dụng trong task 2

**1- A good example of this is (that) = A typical example of this is that**

**2- To illustrate,**

**3- This has been proved**

**4- This is particularly the case for... (= this is true for)**

Ví dụ: Playing video games can be very harmful. **This is particularly the case for** those who are unable to concentrate on their studies due to prolonged screen exposure

#### **Phần 7, mục Chú ý, trang 17**

Sử dụng cụm từ “**On the societal level**”

Ví dụ: **On the societal level**, healthy members can make great contributions to society.

### ÁP DỤNG CÁCH VIẾT VÀO ĐỀ THI THẬT

#### **Với cách viết ví dụ**

Sports businesses could facilitate the development of talents by giving them access to foreign training programs to refine their skills. **This is particularly the case for** the financial contributions from a private Vietnamese company towards a young tennis player named Ly Hoang Nam whose accomplishments in global competitions have been appreciated.

#### **Sử dụng cụm từ “On the societal level”**

**On the societal level**, athletes and organizations could dedicate portions of their profits to local non-profits, ecological projects, or education programs in order to support the broader society.

Như vậy, mình đã dùng được 2 cấu trúc trong cuốn “Hướng dẫn viết câu trong IELTS Writing” rồi. Thay vì chỉ đọc, mình nghĩ rằng cố gắng áp dụng như vậy sẽ rất tốt nhé!



### 3. Bài 3

Hôm nay là bài thứ 3 mình chia sẻ về cách áp dụng cấu trúc câu trong cuốn “**HƯỚNG DẪN VIẾT CÂU TRONG IELTS WRITING**” của thầy Đình Thắng vào các đề thi thật.

Bây giờ mình cùng các bạn bắt đầu với đề thi ngày 14/11/2021: “**There are an increasing number of people who do not know their neighbors. What causes this situation? How to solve it?**”

#### PHẦN LÝ THUYẾT

Trước tiên, mình trích dẫn phần lý thuyết trong cuốn “Hướng dẫn viết câu trong IELTS Writing” mà mình sẽ sử dụng trong bài hôm nay:

##### **Phần 9, mục 9.21 (4), trang 35**

Sử dụng từ “**Inundated**” thay thế cho Busy

Ví dụ: Many people **are inundated with** work commitments although they do need time to switch off.

##### **Phần 9, mục 9.11, trang 26**

Sử dụng từ “**Sense**”

Ví dụ: Learning history can help to **develop/build a sense of attachment** to the country

#### ÁP DỤNG VÀO ĐỀ THI THẬT

##### **Sử dụng từ “Inundated”**

Nowadays, many individuals **are inundated with** work commitments, meaning that their spare time is scarce, which leaves them with little opportunity to become familiar with those in their locale.

##### **Sử dụng từ “sense”**

If people have a greater sense of community and neighborliness, they may experience greater contentment in today's world.

Như vậy, trong bài chia sẻ lần này, mình cũng đã dùng được 2 cấu trúc trong cuốn “Hướng dẫn viết câu trong IELTS Writing” và cả một số cụm từ trong cuốn “Highlight academic phrases in Simon’s essay” rồi. Thay vì chỉ đọc, mình nghĩ rằng cố gắng áp dụng như vậy sẽ rất tốt nhé!

### 4. Bài 4

Tương tự như các bài viết trước, mình sẽ tiếp tục chia sẻ về cách áp dụng cấu trúc câu trong cuốn “**HƯỚNG DẪN VIẾT CÂU TRONG IELTS WRITING**” của thầy Đình Thắng vào các đề thi thật.

Ở bài thứ 4 này, mình sẽ chọn đề thi ngày 13/11/2021: “**Many young people spend more time shopping in the city than doing activities such as sports and listening to music. Advantage or disadvantage?**”

#### PHẦN LÝ THUYẾT

Như các bài trước, mình sẽ trích dẫn phần lý thuyết trong cuốn “Hướng dẫn viết câu trong IELTS Writing” nhé.

##### **Phần 6, trang 15**



## Cách viết câu Topic Sentence: Đưa ra các lợi ích (hoặc tác hại) cụ thể ngay trong câu mở đoạn

Ví dụ: Maintaining good health as well as widening social circles could be regarded as the two major benefits of regular sporting activities.

### **Phần 9, mục 9.10.4, trang 26**

Sử dụng “**Spend a good part of their time**” thay cho “Spend a lot of time”

Câu gốc: Many children these days spend a lot of time playing video games.

Câu viết lại: Many children these days spend a good part of their time playing video games.

## ÁP DỤNG VÀO ĐỀ THI THẬT

### **Khi viết câu Topic Sentence**

From a personal perspective, such a trend has detrimental effects on young shoppers, including a lack of time spent on healthier activities and potential financial issues.

### **Sử dụng “Spend a good part of their time”**

Young individuals who **spend a good part of their time** in shopping malls are likely to lack the patience to carefully consider options before purchasing.

Như vậy là mình cũng đã dùng được 2 cấu trúc trong cuốn “Hướng dẫn viết câu trong IELTS Writing” và cả một số cụm từ trong cuốn “Highlight academic phrases in Simon’s essay” rồi. Việc cố gắng áp dụng như vậy sẽ giúp tăng khả năng ghi nhớ cấu trúc câu, cụm từ và cách sử dụng!

## 5. Bài 5

Hôm nay, mình sẽ chia sẻ về cách áp dụng cấu trúc câu trong cuốn “**HƯỚNG DẪN VIẾT CÂU TRONG IELTS WRITING**” và cả cụm từ trong cuốn “**HIGHLIGHT ACADEMIC PHRASES IN SIMON’S ESSAY**” vào các đề thi thật.

Lần này, mình sẽ chọn đề thi ngày 16/10/2021: “**Today, nations develop rapidly, and families breakdown into small family units/ individuals who live alone. What are the causes and what are the effects on society?**”

### **PHẦN LÝ THUYẾT**

Trước khi bắt tay vào viết câu, mình sẽ trích dẫn phần lý thuyết trong cuốn “Hướng dẫn viết câu trong IELTS Writing” nhé!

### **Phần 7, mục Chú ý, trang 17**

Sử dụng cụm từ “**On a personal level**”

Ví dụ: On a personal level, a person could maintain good health by playing sports.

### **Phần 9, mục 9.13 (1), trang 28**

Cấu trúc “**With + Noun phrase**”

Câu gốc: There are many online shops these days, so consumers are often tempted to buy items that they do not genuinely need

Câu viết lại: **With** the availability of online shops, consumers are often tempted to buy items that they do not genuinely need

## ÁP DỤNG CẤU TRÚC ĐỂ VIẾT ĐỀ THI THẬT

**Áp dụng cụm từ “On a personal level”**



**On a personal level**, individuals who opt to live by themselves are often considered to be more independent and self-reliant than those who share a house with their family.

**Áp dụng cấu trúc “With + Noun phrase”**

**With** the increasing number of one-person households, there may be a rise in property prices and rents. While this may be beneficial for estate agents, the general population, including those who live alone, will be faced with soaring living costs.

Cũng giống như các bài chia sẻ lần này, mình cũng đã dùng được 2 cấu trúc trong cuốn “Hướng dẫn viết câu trong IELTS Writing” và cả một số cụm từ trong cuốn “Highlight academic phrases in Simon’s essay” rồi.

**6. Bài 6**

Mình lại tiếp tục chia sẻ về cách áp dụng cấu trúc câu trong cuốn “**HƯỚNG DẪN VIẾT CÂU TRONG IELTS WRITING**” vào các đề thi thật. Bên cạnh đó, mình sẽ cố gắng áp dụng cả cụm từ trong cuốn “**HIGHLIGHT ACADEMIC PHRASES IN SIMON’S ESSAY**” nữa.

Mình sẽ bắt đầu ngay bây giờ với đề thi 06/11/2021: “**The best way to resolve international environment problems is to increase the cost of fuel for car and other vehicles. Do you agree or disagree?**”

**PHÂN LÝ THUYẾT**

Như thường lệ, mình sẽ trích dẫn phần lý thuyết trong cuốn “Hướng dẫn viết câu trong IELTS Writing” nhé!

**Phần 9, mục 9.16, trang 31**

Cấu trúc diễn đạt sự khó khăn “**To struggle to do something**”

Ví dụ: People who live in big cities such as London might struggle to lead a decent life.

**Phần 9, mục 9.5 (3), trang 22**

Cấu trúc diễn đạt “**X represents a danger to something**”

Câu gốc: The consumption of wild animals is harmful to people’s health.

Câu viết lại: The consumption of wild animals represents a danger to the health of the public.

**ÁP DỤNG VÀO ĐỀ THI THẬT**

**Khi sử dụng cấu trúc “To struggle to do something”**

The increase of the petrol prices might cause rising living costs, which may lead to resentment amongst people who already struggle to lead a decent life.

**Khi sử dụng cấu trúc “X represents a danger to something”**

If rising fuel costs are made a priority and other environmental concerns are overlooked, the environmental issues caused by using private vehicles could represent a danger to humans.

Như vậy, mình cũng đã dùng được 2 cấu trúc trong cuốn “Hướng dẫn viết câu trong IELTS Writing” và cả một số cụm từ trong cuốn “Highlight academic phrases in Simon’s essay” rồi. Thay vì chỉ đọc, mình nghĩ rằng cố gắng áp dụng như vậy sẽ rất tốt nhé!



## 7. Bài 7

Lần này, mình sẽ chọn đề thi ngày 13/11/2021: **“Students should pay full cost for their studies because university education benefits individuals rather than society as a whole. Do you agree or disagree?”**

### PHÂN LÝ THUYẾT

Trước khi bắt tay vào viết câu, mình sẽ trích dẫn phần lý thuyết trong cuốn “Hướng dẫn viết câu trong IELTS Writing” nhé!

#### **Phần 9, mục 9.2, trang 20**

Sử dụng cụm từ **“Leave somebody unable to do something”**

Ví dụ: The quality of education is decreasing, which **leaves** many children **unable** to read or write

#### **Phần 4 mục 4**

Sử dụng từ the authorities thay thế cho the government

Ví dụ: **The authorities** should treat each citizen with an equal amount of respect.

### ÁP DỤNG VÀO ĐỀ THI THẬT

**Khi sử dụng cấu trúc “Leave somebody unable to do something” và cụm từ “the authorities” thay thế cho “the government”**

Providing financial support for students may **leave the authorities unable to spend** any additional amount on healthcare, infrastructure and security.

Như vậy, trong bài chia sẻ lần này, mình cũng đã dùng được 2 cấu trúc trong cuốn “Hướng dẫn viết câu trong IELTS Writing” và cả một số cụm từ trong cuốn “Highlight academic phrases in Simon’s essay” rồi. Thay vì chỉ đọc, mình nghĩ rằng cố gắng áp dụng như vậy sẽ rất tốt nhé!

## 8. Bài 8

Hôm nay, mình sẽ tiếp tục chia sẻ về cách áp dụng cấu trúc câu trong cuốn **“HƯỚNG DẪN VIẾT CÂU TRONG IELTS WRITING”** và cả cụm từ trong cuốn **“HIGHLIGHT ACADEMIC PHRASES IN SIMON’S ESSAY”** vào các đề thi thật. Các bạn có thể tìm trong group về các bài chia sẻ trước của mình nữa.

Mình sẽ bắt đầu ngay bây giờ với đề thi ngày 04/11/2021: **“In many countries, more and more people choose to buy imported food rather than food produced locally. Why do people buy imported food? What could be done to encourage people to buy local food?”**

### PHÂN LÝ THUYẾT

Trước khi bắt tay vào viết câu, mình sẽ trích dẫn phần lý thuyết trong cuốn “Hướng dẫn viết câu trong IELTS Writing” nhé!

#### **Phần 9, mục 9.10.1, trang 25**

Sử dụng từ **“Part”** khi nói về đất nước

*Thay vì viết:* In many countries

*Có thể viết:* In many parts of the world

Ví dụ: **In many parts of the world**, children have little access to basic necessities such as food or water.

#### **Phần 9, mục 9.7 (3), trang 24**





Sử dụng “**As a way to**” khi diễn tả một thông tin có kèm mục đích

Câu gốc: The government has launched many educational campaigns. The purpose of these campaigns is to raise public awareness of environmental issues.

Viết lại sử dụng “**As a way to**”: The government has launched many educational campaigns **as a way to** raise public awareness of environmental issues.

### ÁP DỤNG VÀO ĐỀ THI THẬT

**Khi sử dụng từ “Part” để nói về đất nước**

In many parts of the world, people would rather purchase imported food than local one.

**Áp dụng cụm “As a way to”**

Local producers should invest more in modernizing their technologies and enhancing the quality of their outputs **as a way to** encourage consumers to choose domestic products.

Như vậy, trong bài chia sẻ lần này, mình cũng đã dùng được 2 cấu trúc trong cuốn “Hướng dẫn viết câu trong IELTS Writing” và cả một số cụm từ trong cuốn “Highlight academic phrases in Simon’s essay” rồi.

## 9. Bài 9

Lần này, mình sẽ chọn đề thi ngày 05/11/2021: “**Some people think news has no connection to people’s lives. So, then it is a waste of time to read the newspaper and watch television news programs. To what extent do you agree or disagree?**”

### PHÂN LÝ THUYẾT

Trước khi bắt tay vào viết câu, mình sẽ trích dẫn phần lý thuyết trong cuốn “Hướng dẫn viết câu trong IELTS Writing” nhé!

**Phần 4, mục 3, trang 13**

Sử dụng **Many/Some** - Thay vì dùng many/some people.

Ví dụ: For **many**, money is even more important than their family.

**Phần 2, mục 2.2, trang 41**

Cấu trúc “**Given + Noun phrase, SVO**” thay cho because/as/since

Ví dụ: **Given** the exponential demand for high-quality face masks, many textile companies based in Vietnam are producing large numbers of these masks.

Hoặc đảo ra phía sau câu: Many textile companies based in Vietnam are producing large numbers of high-quality face masks, **given** the exponential demand for these masks.

### ÁP DỤNG VÀO ĐỀ THI THẬT

**Sử dụng Many/Some**

It is thought by **many** that it is pointless to read newspapers and watch television news programs since they are not related to what is happening in our own lives.

**Sử dụng cấu trúc “Given + Noun phrase, SVO”**

**Given** the abundance of news about celebrities on TV or in newspapers, the public having no interest in entertainment tends to think there is no point in keeping updated with the news.

.



## 10. Bài 10

Hôm nay, mình sẽ làm lại đề thi IELTS của mình ngày 16/10/2021 tại British Council: **“Nowadays, international tourism is the biggest industry in the world. Unfortunately, international tourism creates tension rather than understanding between people from different cultures. To what extent do you agree or disagree?”**

### PHẦN LÝ THUYẾT

Trước khi bắt tay vào viết câu, mình sẽ trích dẫn phần lý thuyết trong cuốn “Hướng dẫn viết câu trong IELTS Writing” nhé!

#### **Phần 8, mục 8.1, trang 18**

Một số các viết ví dụ có thể sử dụng trong task 2

- 1- **A good example of this is (that) = A typical example of this is that**
- 2- **To illustrate,**
- 3- **This has been proved**
- 4- **This is particularly the case for... (= this is true for)**

#### **Phần 9, mục 9.5 (2), trang 22**

Sử dụng cấu trúc **“X puts people's health at risk = X chứa đựng nguy cơ về sức khỏe”**

Câu gốc: Air pollution affects people's health.

Viết lại: Air pollution levels in big cities have been on the rise, **putting people's health at risk.**

### ÁP DỤNG VÀO ĐỀ THI THẬT

#### **Khi áp dụng cách viết ví dụ (ý này mình đã viết giống hệt khi đi thi)**

Firstly, the tourism industry might have an adverse impact on indigenous practices and traditional customs, given the disparity between different cultures. **To illustrate**, overseas visitors may not follow the appropriate dress code when going to places of worship in Asian countries, which could be seen as disrespectful amongst local inhabitants.

#### **Sử dụng cấu trúc “X puts people's health at risk”**

The influx of oversea tourists could lead to an enormous amount of garbage, which could contaminate local water resources and therefore **put local residents' health at risk.**

Như vậy, trong bài chia sẻ lần này, mình cũng đã dùng được 2 cấu trúc trong cuốn “Hướng dẫn viết câu trong IELTS Writing” rồi. Thay vì chỉ đọc, mình nghĩ rằng cố gắng áp dụng như vậy sẽ rất tốt nhé!

## 11. Bài 11

Hôm nay, mình sẽ chọn đề thi ngày 28/10/2021: **“It is a good thing for people in senior management positions to get a higher salary than other workers in the same company. Do you agree or disagree?”**

### PHẦN LÝ THUYẾT



Trước tiên, mình trích dẫn phần lý thuyết trong cuốn “Hướng dẫn viết câu trong IELTS Writing” mà mình sẽ sử dụng trong bài hôm nay:

**Phần 9, mục 9.11, trang 26**

Sử dụng từ “**Sense**”

Ví dụ: Learning history can help to **develop/build a sense of attachment** to the country

**Phần 9, mục 9.13 (3), trang 29**

Sử dụng cấu trúc “**With + Noun + for smb + to do something, SVO**”

Câu gốc: There are many courses at Brighton University, so it has always been a viable option.

Viết lại: **With** plenty of courses **for** students **to** choose from, Brighton University has always been a viable option.

**ÁP DỤNG VÀO ĐỀ THI THẬT**

Sử dụng từ “**Sense**”

Generous compensation packages for senior managers may result in the corporation's prosperity. This is mainly because when responsible individuals are offered substantial paychecks, this could translate into **a sense of** fulfilment and an increased level of motivation to work hard and therefore drive companies successfully.

Sử dụng cấu trúc “**With + Noun + for smb + to do something, SVO**”

**With** the well-paid positions **for** candidates to apply to, many companies could aim to employ those with academic qualifications and long-term experience.

**12. Bài 12**

Hôm nay, mình sẽ tiếp tục chia sẻ về cách áp dụng cấu trúc câu trong cuốn “**HƯỚNG DẪN VIẾT CÂU TRONG IELTS WRITING**” vào các đề thi thật.

Hôm nay, mình sẽ chọn đề thi ngày 09/10/2021: “**Because children do not seem to have natural ability to learn other languages, schools should not force children to learn foreign language. Do you agree or disagree?**”

**PHẦN LÝ THUYẾT**

Trước tiên, mình trích dẫn phần lý thuyết trong cuốn “Hướng dẫn viết câu trong IELTS Writing” mà mình sẽ sử dụng trong bài hôm nay:

**Phần 4, mục 4.1, trang 12**

Sử dụng “**Schoolchildren**” thay cho “**Children**”

Ví dụ: The government should ban advertising aimed at primary schoolchildren

**Phần 9, mục 9.7 (2), trang 23**

Sử dụng “**As part of**” khi nói về các cá thể nằm một phần trong một nhóm

Ví dụ: Arts subjects should be included **as part of** the school's curriculum.

**ÁP DỤNG VÀO ĐỀ THI THẬT**

Sử dụng “**Schoolchildren**”

The exposure to a foreign language at an early stage of life could cause unnecessary difficulty and confusion for **schoolchildren**.

Sử dụng “**As part of**”



Considering the children’s capability to learn other languages, it is thought by many that foreign language-based subjects should not be included **as part of** the school’s curriculum.

### 13. Bài 13

Mình sẽ bắt đầu với đề thi ngày 29/12: **“In many countries today, people buy a range of household goods (TV, microwave, oven and rice cookers). Is it a positive or negative development?”**

#### PHÂN LÝ THUYẾT

Đầu tiên, mình sẽ trích dẫn phần lý thuyết trong cuốn “Hướng dẫn viết câu trong IELTS Writing” mà mình sẽ sử dụng khi viết đề thi này.

##### **Phần 1.2, trang 4**

Sử dụng cụm từ về xu hướng: There is a tendency for smb to do smth

##### **Phần 2.2, trang 5**

Bắt đầu câu với THERE

There is a need for the government to create more employment opportunities for young people.

#### ÁP DỤNG CÁCH VIẾT VÀO ĐỀ THI THẬT

**Đầu tiên, phần mở bài mình sẽ viết như sau:**

**There is a tendency for** people around the world **to** purchase various household equipment. While it is sometimes argued that this type of behavior can pose some potential dangers, I believe it can have many advantages to individuals and society as a whole.

**Khi mình viết câu topic sentence:**

**There** are assuredly some drawbacks to people's over-reliance on household appliances in their daily lives.

Như vậy, mình đã dùng được 2 cấu trúc trong cuốn “Hướng dẫn viết câu trong IELTS Writing” rồi. Thay vì chỉ đọc, các bạn cố gắng áp dụng vào bài viết của mình nhé!

### 14. Bài 14

Mình sẽ chuẩn bị cho đề thi ngày 5/1/2022: **“Despite the increased access to education, a significant number of adults cannot read or write. In what way can this be detrimental to society and what action should governments take?”**

#### PHÂN LÝ THUYẾT

Trước tiên, mình sẽ trích dẫn phần lý thuyết trong cuốn “Hướng dẫn viết câu trong IELTS Writing” mà mình sẽ sử dụng khi viết đề thi này.

##### **Phần 2.3, trang 4**

Bắt đầu câu với WITH



Chú ý cấu trúc: With S1 V1-ing..., S2 V2...

**Ví dụ:** **With** the labour market becoming increasingly competitive, the government should create more employment opportunities for young people.

### ***Phần 2.4, trang 5***

#### **Bắt đầu câu với V-ING**

**Ví dụ:** **Creating** more employment opportunities for young people should be done by the government.

### **ÁP DỤNG CÁCH VIẾT VÀO ĐỀ THI THẬT**

#### ***Với các câu triển khai ý***

**With** the uneducated masses rising in number, this can result in heightened criminal activity.

**Creating** more educational institutions would mean more people are able to access education, resulting in improved literacy levels across the population .

## **16. Bài 16**

Lần này, mình sẽ chuẩn bị cho đề thi ngày 25/12/2021: **“In recent times economic growth has made some people richer in both developed and developing countries. While studies show that people in developing countries are happier now than before, people in developed countries are no happier than they were before. Why do you think this is and what lessons can be learned from it?”**

### **PHẦN LÝ THUYẾT**

Trước tiên, mình sẽ trích dẫn phần lý thuyết trong cuốn “Hướng dẫn viết câu trong IELTS Writing” mà mình sẽ sử dụng khi viết đề thi này.

#### ***Phần 2.1 trang 4***

#### **Bắt đầu câu với IT**

**Ví dụ:** **It** is important for the government to create more employment opportunities for young people.

#### ***Phần 2.7 trang 5***

#### **Bắt đầu câu với IN ORDER TO**

**In order to** support young people, the government should create more job opportunities for them.

### **ÁP DỤNG CÁCH VIẾT VÀO ĐỀ THI THẬT**



### ***Khi viết câu Main idea***

It can be hazardous to place excessive emphasis on trying to get higher standards of living.

### ***Khi mình viết triển khai ý***

**In order to** have a more secure family life, people should spend more time at home with their children and family.

## **17. Bài 17**

Lần này, mình sẽ chọn đề thi ngày 31/12/2021: **“Some people say that schools should teach good behavior to children besides academic. To what extent do you agree or disagree with this?”**

### **PHẦN LÝ THUYẾT**

Trước khi bắt tay vào viết câu, mình sẽ trích dẫn phần lý thuyết trong cuốn “Hướng dẫn viết câu trong IELTS Writing” nhé!

### ***Phần 2, ví dụ 03, mục 1, trang 6***

#### **Sử dụng các cụm danh từ**

Đưa các S+V+O thành Noun Phrase.

Ví dụ:

- \* children gain effective communication skills -> effective communication skills
- \* they will be more likely to be successful in their future careers -> career success

Câu viết lại sẽ thành

**Effective communication skills** (gained from schools) may contribute to **career success** later in life.

### ***Phần 2, ví dụ 03, mục 2, trang 7***

#### **Sử dụng mệnh đề phụ bắt đầu với How**

Ví dụ: The communication skills children gain at school may affect **how successful they are in their future careers.**

### **ÁP DỤNG VÀO ĐỀ THI THẬT**



### ***Khi mình viết câu triển khai ý***

Students lack the time => The time limit

**The time limit** for academic study and research may constrain students from handling the pressure of added subjects.

### ***Khi viết câu Main idea***

Educational organizations have a major impact on **how** well children conduct themselves.

## **18. Bài 18**

Lần này, mình sẽ chọn đề thi ngày 20/01/2022: “**Many people argue that in order to improve educational quality, high school students are encouraged to make comments or even criticism on their teachers. Others think it will lead to loss of respect and discipline in the classroom. Discuss both views and give your own opinion.**”

### **PHÂN LÝ THUYẾT**

Trước khi bắt tay vào viết câu, mình sẽ trích dẫn phần lý thuyết trong cuốn “Hướng dẫn viết câu trong IELTS Writing” nhé!

#### ***Phần 3, mục 4, trang 8***

Áp dụng cấu trúc **It + (be) + adj + for smb +to V**

Ví dụ: In my view, **it would be better for children to** start school when they reach five years of age.

#### ***Phần 3, mục 12, trang 10***

Sử dụng **Cleft sentence**

Ví dụ: **What** many university graduates need is a high-paying job

### **ÁP DỤNG VÀO ĐỀ THI THẬT**

#### ***Khi mình viết câu Topic sentence:***

On the one hand, **it can be advantageous to** allow schoolchildren to evaluate the competency of their teachers.

#### ***Khi viết câu Main idea***

**What** students complain about teachers can put teachers in a position of having to remain pleasant to learners no matter how badly they are behaving.



Như vậy, trong bài chia sẻ lần này, mình cũng đã dùng được 2 cấu trúc trong cuốn “Hướng dẫn viết câu trong IELTS Writing” và cả một số cụm từ trong cuốn “Highlight academic phrases in Simon’s essay” rồi. Thay vì chỉ đọc, mình nghĩ rằng cố gắng áp dụng như vậy sẽ rất tốt nhé!

## 19. Bài 19

Lần này, mình sẽ chọn đề thi ngày 14/01/2022: **“Some people think that personal happiness is directly related to economic success. Others argue that happiness depends on different factors. Discuss both views and give your own opinion.”**

### PHÂN LÝ THUYẾT

Trước khi bắt tay vào viết câu, mình sẽ trích dẫn phần lý thuyết trong cuốn “Hướng dẫn viết câu trong IELTS Writing” nhé!

#### ***Phần 5, trang 13***

Một vài thông tin cần được nhắc đến trong mở bài

1. Thông tin liên quan đến đầu bài (the fact)
2. Ý kiến cá nhân của bạn (và ý kiến đối lập) Your personal view (the opposite view)

#### ***Phần 6, mục 3, trang 14***

**Bắt đầu câu với THERE nhưng sau benefits là mệnh đề phụ**

Ví dụ: Clearly, **there** are several benefits (**that**) we can gain from playing sports.

### ÁP DỤNG VÀO ĐỀ THI THẬT

#### ***Khi mình viết mở bài***

It is true that there is an increasing tendency for people to link wealth and material success to happiness. Even though money is an important factor to consider when attempting to achieve happiness, I think that our level of contentment is largely determined by different aspects of our lives.





## ***Khi viết câu Topic sentence***

Clearly, **there** are many benefits **that** money can contribute to personal happiness.

Như vậy, trong bài chia sẻ lần này, mình cũng đã dùng được 2 cấu trúc trong cuốn “Hướng dẫn viết câu trong IELTS Writing” và cả một số cụm từ trong cuốn “Highlight academic phrases in Simon’s essay” rồi. Thay vì chỉ đọc, mình nghĩ rằng cố gắng áp dụng như vậy sẽ rất tốt nhé!

## **20. Bài 20**

Ở bài này, mình sẽ chọn đề thi ngày 13/1/2022: **“Nowadays crime rate is reducing. Advances in technology help to prevent and solve crimes. Do you agree or disagree with the statement?”**

### **PHẦN LÝ THUYẾT**

Như các bài trước, mình sẽ trích dẫn phần lý thuyết trong cuốn “Hướng dẫn viết câu trong IELTS Writing” nhé.

#### ***Phần 6, mục 4, trang 14***

**Đưa ra các lợi ích cụ thể ngay trong câu mở đoạn.**

Ví dụ: Maintaining good health as well as widening social circles could be regarded as the two major benefits of regular sporting activities.

#### ***Phần 7, trang 16***

**Trong khi viết essay, thay vì việc sử dụng Firstly, Secondly có thể khiến nội dung bài viết của bạn không được đánh giá cao thì bạn có thể cân nhắc sử dụng cụm FROM A/AN .... PERSPECTIVE = XÉT VỀ MẶT ....(GIÁO DỤC/ Y TẾ/...)**

Ví dụ: FROM AN ECONOMIC PERSPECTIVE, the government should not waste public money on space research

### **ÁP DỤNG VÀO ĐỀ THI THẬT**

***Khi nói về lợi ích của technology:***

**Round the clock surveillance and forensic science** give the authorities new tools to combat crime.

***Khi mình viết câu triển khai ý:***

**From a scientific perspective**, advances in technology such as DNA evidence, crime scene analysis and forensic examinations have helped solve the issue of crime faster, which can also act as a deterrent to criminal behavior.



Như vậy là mình cũng đã dùng được 2 cấu trúc trong cuốn “Hướng dẫn viết câu trong IELTS Writing” và cả một số cụm từ trong cuốn “Highlight academic phrases in Simon’s essay” rồi. Việc cố gắng áp dụng như vậy sẽ giúp tăng khả năng ghi nhớ cấu trúc câu, cụm từ và cách sử dụng!

## 21. Bài 21

Ở bài này, mình sẽ chọn đề thi ngày 17/1/2022: **“Some people say advertising has positive economic effects. Others think it has negative social effects because it will make people dissatisfied with who they are and what they have. Discuss both views and give your own opinion.”**

### PHẦN LÝ THUYẾT

Như các bài trước, mình sẽ trích dẫn phần lý thuyết trong cuốn “Hướng dẫn viết câu trong IELTS Writing” nhé.

#### ***Phần 9.1, mục 2, trang 20***

**Thay vì viết spend money on smth hoặc hire more people to do smth.**

Ví dụ: The government needs to spend more money on building cheap houses

⇒ The government needs **TO PUT MORE RESOURCES INTO** building affordable housing

#### ***Mục 9.3, trang 21***

**Thay thế cho related to**

Ví dụ: There are social and medical problems related to the use of mobile phones.

đ There are social and medical problems **associated with** the use of mobile phones

### ÁP DỤNG VÀO ĐỀ THI THẬT

***Khi viết câu triển khai ý:***

Numerous businesses are **putting more resources into** advertising to expand their customer base and boost profits.

***Khi mình viết câu topic sentence:***



On an individual level, there are several negative consequences **associated with** excessive advertising.

Như vậy là mình cũng đã dùng được 2 cấu trúc trong cuốn “Hướng dẫn viết câu trong IELTS Writing” và cả một số cụm từ trong cuốn “Highlight academic phrases in Simon’s essay” rồi. Việc cố gắng áp dụng như vậy sẽ giúp tăng khả năng ghi nhớ cấu trúc câu, cụm từ và cách sử dụng!

## 22. Bài 22

Xin chào các bạn, lại là mình, Như Ngọc đây!

Hôm nay, mình sẽ chia sẻ về cách áp dụng cấu trúc câu trong cuốn “**HƯỚNG DẪN VIẾT CÂU TRONG IELTS WRITING**” vào đề thi thật. Bên cạnh đó, trong các câu mình sẽ cố gắng sử dụng cả cụm từ trong cuốn “**HIGHLIGHT ACADEMIC PHRASES IN SIMON’S ESSAY**” nữa.

Lần này, mình sẽ chọn đề thi ngày 29/1/2022: “**Some people feel that the government should regulate the level of violence for films of television and cinema. Others feel that violent films should not be released. Discuss both views and give your opinion?**”

### PHÂN LÝ THUYẾT

Trước khi bắt tay vào viết câu, mình sẽ trích dẫn phần lý thuyết trong cuốn “Hướng dẫn viết câu trong IELTS Writing” nhé!

#### **Mục 9.4, trang 21**

Dùng **INCLUDING** để thay thế cho từ such as

Ví dụ: Many people worldwide are facing health problems such as cancer

=> Many people worldwide are facing health problems **including** cancer

#### **Mục 9.5, trang 21**

Sử dụng cấu trúc **X is at the expense of people's health**. = X được phát triển/thực hiện dựa trên việc hy sinh lợi ích sức khỏe của con người

Ví dụ: While the smoking industry can contribute to economic growth, this is **AT THE EXPENSE OF PEOPLE'S HEALTH**

### ÁP DỤNG VÀO ĐỀ THI THẬT

#### **Khi sử dụng cấu trúc từ “including”**

By forbidding movies with violence, filmmakers will be able to turn their attention to more cheerful genres **including** cartoons and comedies.



**Khi sử dụng cấu trúc “X is at the expense of people's health”, mình sẽ thay từ “health” thành “emotional well-being”**

While violent films can appeal to a wide audience, this **is at the expense of people's emotional well-being**.

Như vậy, trong bài chia sẻ lần này, mình cũng đã dùng được 2 cấu trúc trong cuốn “Hướng dẫn viết câu trong IELTS Writing” và cả một số cụm từ trong cuốn “Highlight academic phrases in Simon's essay” rồi. Thay vì chỉ đọc, mình nghĩ rằng cố gắng áp dụng như vậy sẽ rất tốt nhé!

### 23. Bài 23

Lần này, mình sẽ chọn đề thi ngày 15/1/2022: **“Hosting sporting events such as the Olympics and the World Cup can bring benefits to the host countries. Some people think it is wasted money. Discuss both views and give your own opinion.”**

#### PHÂN LÝ THUYẾT

Trước khi bắt tay vào viết câu, mình sẽ trích dẫn phần lý thuyết trong cuốn “Hướng dẫn viết câu trong IELTS Writing” nhé!

##### **Phần 9.5, mục 2, trang 22**

Sử dụng cấu trúc **X puts people's health at risk** = X chứa đựng nguy cơ về sức khỏe

Ví dụ: Air pollution levels in big cities have been on the rise,

**PUTTING PEOPLE'S HEALTH AT RISK.**

##### **Phần 9.7, trang 23**

Sử dụng hiệu quả hơn từ **AS**

Ví dụ: The ability to work together **AS A TEAM** plays an important role in success at school.

#### ÁP DỤNG VÀO ĐỀ THI THẬT

**Khi mình viết câu triển khai ý**

Giving authority to one person to manage an international sporting event can open up the possibility of dishonesty and fraudulence, **putting objectivity and fairness at risk**.

**Khi mình viết câu topic sentence**

Participating in sports competitions **as a host country** can bring many benefits including improving the economic situation and creating better foreign relations.



Như vậy, trong bài chia sẻ lần này, mình cũng đã dùng được 2 cấu trúc trong cuốn “Hướng dẫn viết câu trong IELTS Writing” và cả một số cụm từ trong cuốn “Highlight academic phrases in Simon’s essay” rồi. Thay vì chỉ đọc, mình nghĩ rằng cố gắng áp dụng như vậy sẽ rất tốt nhé!

## 26. Bài 26

Lần này, mình sẽ chọn đề thi ngày 27/12/2021: **“Nowadays, more and more people decide to have children later in their life. Why do you think people are doing this? What effects does it have on society and families?”**

### PHẦN LÝ THUYẾT

Trước khi bắt tay vào viết câu, mình sẽ trích dẫn phần lý thuyết trong cuốn “Hướng dẫn viết câu trong IELTS Writing” nhé!

**Ở mục 9.10.1 trang 25,**

Thay vì viết: In many countries

Có thể viết: **In many parts of the world**

Ví dụ: **In many parts of the world**, children have little access to basic necessities such as food or water.

**Ở mục 9.10.3 trang 26,**

**Khi nói về kế hoạch**

Thay vì viết

The government is trying to provide poor people with better access to jobs. The purpose of this plan is to reduce poverty.

Viết lại 2 câu trên sử dụng **AS PART OF A PLAN/SCHEME TO**

The government is trying to provide poor people with better access to jobs **as part of a scheme to** reduce poverty.

### ÁP DỤNG VÀO ĐỀ THI THẬT

**Khi mình viết mở bài:**

**In many parts of the world**, there is a tendency for women to give birth when they are older. There are diverse explanations for this happening, and this may produce both beneficial and adverse consequences.



### **Khi mình viết câu triển khai ý:**

A large number of people are opting to have children later in their lives **as part of a plan to** provide their children with stronger financial security and a better quality of life.

Như vậy, trong bài chia sẻ lần này, mình cũng đã dùng được 2 cấu trúc trong cuốn “Hướng dẫn viết câu trong IELTS Writing” và cả một số cụm từ trong cuốn “Highlight academic phrases in Simon’s essay” rồi. Thay vì chỉ đọc, mình nghĩ rằng cố gắng áp dụng như vậy sẽ rất tốt nhé!

### **27. Bài 27**

Lần này, mình sẽ chọn đề thi ngày 11/3/2022: **“Many people say that by paying taxes, they have made enough contribution to society, while others believe that there are more responsibilities. Discuss both views and give your opinion.”**

### **PHẦN LÝ THUYẾT**

Trước khi bắt tay vào viết câu, mình sẽ trích dẫn phần lý thuyết trong cuốn “Hướng dẫn viết câu trong IELTS Writing” nhé!

#### **Mục 9.11, trang 26**

#### **Sử dụng từ SENSE**

Thay vì nói: Teachers should make sure (that) students feel enjoyable when learning all subjects.

Có thể nói: Teachers should help students **develop a sense of enjoyment** in learning all subjects.

#### **Mục 9.12, trang 27**

#### **Ví dụ 3: Khi nói về phát triển/tạo dựng mối quan hệ**

Thay vì viết develop relationships: If a person wants to be successful in business, they need to develop relationships with customers

Có thể viết **form relationships**: If a person wants to be successful in business, they need to **form (long-lasting) relationships** with customers

### **ÁP DỤNG VÀO ĐỀ THI THẬT**

#### **Sử dụng từ “sense”**



Donations to charitable organisations can help **foster people's sense of sympathy** for the underprivileged, narrowing the wealth gap and potentially reducing crime rates.

### **Sử dụng cụm từ “form relationships”**

The government can use the federal budget to **form international relationships** by hosting sport events, establishing foreign charitable funds, and taking part in diplomatic initiatives.

Như vậy, trong bài chia sẻ lần này, mình cũng đã dùng được 2 cấu trúc trong cuốn “Hướng dẫn viết câu trong IELTS Writing” rồi. Thay vì chỉ đọc, mình nghĩ rằng cố gắng áp dụng như vậy sẽ rất tốt nhé!

## **28. Bài 28**

Lần này, mình sẽ chọn đề thi ngày **04/03/2022**: **“Some people argue that grow our own food would be beneficial for individuals and society. To what extent do you agree or disagree?”**

### **PHẦN LÝ THUYẾT**

Trước khi bắt tay vào viết câu, mình sẽ trích dẫn phần lý thuyết trong cuốn “Hướng dẫn viết câu trong IELTS Writing” nhé!

**Phần 9.13, mục 1, trang 28,**

#### **Cấu trúc WITH + Noun phrase**

Câu gốc: There are many online shops these days, so consumers are often tempted to buy items that they do not genuinely need.

Câu viết lại: **WITH** the availability of online shops, consumers are often tempted to buy items that they do not genuinely need.

**Mục 9.14, trang 30**

Cách 1: Thay thế từ “help” bằng cụm **CONTRIBUTE TO**

Câu gốc: Arts subjects can help us feel attached to (gắn bó với) our country.

Viết lại: The introduction of arts subjects such as Music can **contribute to** a sense of attachment to the country.

### **ÁP DỤNG VÀO ĐỀ THI THẬT**

**Khi mình áp dụng cấu trúc WITH + Noun phrase**



**With** the increasing pest population in metropolitans, it would be challenging for the authorities to control its consequences including the spread of various illnesses. .

### ***Khi mình sử dụng cụm “contribute to”***

Rather than growing vegetables in households gardens, industrial farming would mean mass production of food and the application of cutting-edge technology, which has **contributed** greatly **to** high productivity.

Như vậy, trong bài chia sẻ lần này, mình cũng đã dùng được 2 cấu trúc trong cuốn “Hướng dẫn viết câu trong IELTS Writing” và cả một số cụm từ trong cuốn “Highlight academic phrases in Simon’s essay” rồi. Thay vì chỉ đọc, mình nghĩ rằng cố gắng áp dụng như vậy sẽ rất tốt nhé!

## **29. Bài 29**

Lần này, mình sẽ chọn đề thi ngày 27/2/2022: **“All fathers should be entitled to time off work when their child is born. To what extent do you agree or disagree?”**

### **PHÂN LÝ THUYẾT**

Trước khi bắt tay vào viết câu, mình sẽ trích dẫn phần lý thuyết trong cuốn “Hướng dẫn viết câu trong IELTS Writing” nhé!

#### ***Ở Phần 9.14, trang 30***

#### **Cách 3. Sử dụng cấu trúc HELP SMB WITH SMTH**

Thay vì viết: Schools need to help children who face emotional problems.

Viết lại: Schools need to **help** children **with** emotional problems.

#### ***Ở phần 9.15, trang 31***

Sử dụng cấu trúc "the key to a healthier economy lies in smth"

Ví dụ: **The key to a healthier economy lies in** making education accessible to all.

### **ÁP DỤNG VÀO ĐỀ THI THẬT**

#### ***Khi mình sử dụng cấu trúc HELP SMB WITH SMTH***

With years of parenting experience under their belt, grandparents are well-equipped to **help** mothers **with** child-rearing and father’s support is less likely to be necessary.

#### ***Khi mình sử dụng cấu trúc THE KEY TO A HEALTHIER ECONOMY LIES IN SMTH***





**The key to a healthy economy often lies in** proficient male workers, but paternal leaves can cost men more time to maintain and regain the required skill set

### 30. Bài 30

Lần này, mình sẽ chọn đề thi ngày 03/03/2022 **“Some people say that scientific research should focus on solving world health problems. Others think that scientific research should focus on more important things. Discuss both views and give your own opinion.”**

#### PHẦN LÝ THUYẾT

Trước khi bắt tay vào viết câu, mình sẽ trích dẫn phần lý thuyết trong cuốn “Hướng dẫn viết câu trong IELTS Writing” nhé!

##### ***Phần 9.15, trang 31***

Sử dụng cụm từ **“contribute to a prosperous nation”**

##### ***Phần 9.19, mục 1.1***

Sử dụng cụm từ **“Suffering from health problems”**

Ví dụ: Many young people these days **SUFFER FROM HEALTH PROBLEMS** as a result of prolonged exposure to a screen. (hoặc stress-related problems)

#### ÁP DỤNG VÀO ĐỀ THI THẬT

##### ***Khi mình viết câu triển khai ý:***

A successful educational framework can facilitate the development of a competent workforce, which **contributes to a prosperous nation**.

##### ***Khi mình viết câu main idea***

**Suffering from health problems** can constrain people from enjoying their lives.

Như vậy, trong bài chia sẻ lần này, mình cũng đã dùng được 2 cấu trúc trong cuốn “Hướng dẫn viết câu trong IELTS Writing” và cả một số cụm từ trong cuốn “Highlight academic phrases in Simon’s essay” rồi. Thay vì chỉ đọc, mình nghĩ rằng cố gắng áp dụng như vậy sẽ rất tốt nhé!

### 31. Bài 31

Lần này, mình sẽ chọn đề thi ngày 04/03/2022: **“Some people think that children should begin their education at a very early age. Some think they should begin at an older age. Discuss both views and give your own opinion.”**

#### PHẦN LÝ THUYẾT



Trước khi bắt tay vào viết câu, mình sẽ trích dẫn phần lý thuyết trong cuốn “Hướng dẫn viết câu trong IELTS Writing” nhé!

### **Phần 2.4, trang 5**

#### **Bắt đầu câu với V-ING**

**Ví dụ: Creating** more employment opportunities for young people should be done by the government.

#### **Ở phần 9.21, mục 1, trang 35**

Thay vì viết: Many people are busy and do not have time for themselves because they have to work all day long

Có thể viết: Many **working adults** have little or no time at all for pursuing their personal hobbies.

### **ÁP DỤNG VÀO ĐỀ THI THẬT**

#### **Khi mình viết câu triển khai ý**

**Delaying** the beginning of schooling could allow children to devote more time to discovering and cultivating their aptitudes, ultimately leading to the identification of more satisfying career paths later on.

#### **Khi mình viết câu Main idea**

Individuals starting formal education early could achieve greater degrees of success as they enter the workforce as **working adults**.

Như vậy, trong bài chia sẻ lần này, mình cũng đã dùng được 2 cấu trúc trong cuốn “Hướng dẫn viết câu trong IELTS Writing” và cả một số cụm từ trong cuốn “Highlight academic phrases in Simon’s essay” rồi. Thay vì chỉ đọc, mình nghĩ rằng cố gắng áp dụng như vậy sẽ rất tốt nhé!

## **32. Bài 32**

Mình sẽ bắt đầu ngay bây giờ với đề thi ngày 28/02/2022: **“Some people think technology development decreases crime, while others believe it actually encourages crimes. Discuss both views and give your own opinion.”**

### **PHẦN LÝ THUYẾT**

Trước khi bắt tay vào viết câu, mình sẽ trích dẫn phần lý thuyết trong cuốn “Hướng dẫn viết câu trong IELTS Writing” nhé!

#### **Phần 8.1 trang 18**

Cách viết thay thế cho “For example/instance”

Sử dụng cụm từ **“A typical example of this is that”**



### **Phần 9.13, mục 3, trang 29**

#### **Cấu trúc WITH + Noun + for smb + to do smth, SVO**

Câu gốc: There are many courses at Brighton University, so it has always been a viable option.

Viết lại: **WITH** plenty of courses **FOR** students **TO** choose from, Brighton University has always been a viable option.

#### **KHI VIẾT VÀO ĐỀ THI THẬT**

##### ***Khi mình đưa ví dụ***

Advances in technology can act as a deterrent against offenders. **A typical example of this is that** the security cameras equipped in the supermarkets play a crucial role in the fight against shoplifters.

##### ***Áp dụng cấu trúc WITH + Noun + for smb + to do smth, SVO***

**With** the availability of the Internet **for** people **to** obtain information from, raising people's awareness about illegal activities has become easier than ever.

Như vậy, trong bài chia sẻ lần này, mình cũng đã dùng được 2 cấu trúc trong cuốn “Hướng dẫn viết câu trong IELTS Writing” và cả một số cụm từ trong cuốn “Highlight academic phrases in Simon's essay” rồi. Thay vì chỉ đọc, mình nghĩ rằng cố gắng áp dụng như vậy sẽ rất tốt nhé!

### **33. Bài 33**

Mình sẽ bắt đầu với đề thi ngày 17/02/2022: **“Water should be use as much as people want / governments should take control because water is limited. Discuss both views + opinion”**

#### **PHÂN LÝ THUYẾT**

Đầu tiên, mình sẽ trích dẫn phần lý thuyết trong cuốn “Hướng dẫn viết câu trong IELTS Writing” mà mình sẽ sử dụng khi viết đề thi này.

##### ***Phần 9.19, mục 3, trang 34***

Khi nói về những thiệt hại hay mất mát – **suffer something**

Thay vì viết: Many companies are facing financial problems.

Có thể viết: Harsh economic realities would mean many businesses **suffer heavy financial losses**. Many businesses **suffered a severe blow** during and after the outbreak of the Coronavirus.

##### ***Phần 9.20, trang 34***



Cách diễn đạt các yếu tố nhiều/vượt quá/dư thừa

### Sử dụng cụm từ “go far beyond”

Thay vì viết: Many people play video games as a way of relaxing. There are also A LOT OF other benefits.

Có thể viết lại như sau: The benefits of gaming could **GO FAR BEYOND** finding a sense of enjoyment.

### ÁP DỤNG CÁCH VIẾT VÀO ĐỀ THI THẬT

#### *Khi mình sử dụng từ “suffer”:*

Without water restrictions, people can **suffer** severe droughts.

#### *Khi mình áp dụng cụm “go far beyond”*

Consequences of water scarcity could **go far beyond** declining levels of public health.

Như vậy, mình đã dùng được 2 cấu trúc trong cuốn “Hướng dẫn viết câu trong IELTS Writing” rồi. Thay vì chỉ đọc, mình nghĩ rằng cố gắng áp dụng như vậy sẽ rất tốt nhé!

### 35. Bài 35

Lần này, mình sẽ chọn đề thi ngày 01/03/2022: “**Nowadays, not enough students choose science subjects in university in many countries. What are the reasons for this problem? What are the effects on society?**”

### PHẦN LÝ THUYẾT

Trước khi bắt tay vào viết câu, mình sẽ trích dẫn phần lý thuyết trong cuốn “Hướng dẫn viết câu trong IELTS Writing” nhé!

#### *Phần 9.17, mục 2, trang 32*

Cách sử dụng từ “**based**” để nói đến việc đánh giá hay lựa chọn

Khi ai đó lựa chọn ai/cái gì đó:

Students choose their courses **based on** cost.

= Học sinh chọn khóa học dựa vào chi phí.

#### *Phần 10, trang 38. Cách diễn tả thông tin phủ định*

Sử dụng từ **FAIL** hoặc **PREVENT ... FROM...**



Câu gốc: Many students cannot achieve their study goals due to poor language skills.

Viết lại: Many students **FAIL** to achieve their study goals due to poor language skills.

## ÁP DỤNG VÀO ĐỀ THI THẬT

### Sử dụng từ “based”

College students tend to decide on their courses **based on** the potential wages of the associated profession.

### Sử dụng từ “fail”

With an increasing number of students avoiding science courses, our society would **fail to** make any tremendous technological and scientific breakthroughs.

Như vậy, trong bài chia sẻ lần này, mình cũng đã dùng được 2 cấu trúc trong cuốn “Hướng dẫn viết câu trong IELTS Writing” và cả một số cụm từ trong cuốn “Highlight academic phrases in Simon’s essay” rồi. Thay vì chỉ đọc, mình nghĩ rằng cố gắng áp dụng như vậy sẽ rất tốt nhé!

## 36. Bài 36

Hôm nay, mình sẽ làm đề thi IELTS ngày 15/1: “**Some people say that no one do the same jobs in all their working life while others believe that do the same jobs has advantages to the individual, companies and society. Discuss both views and give your own opinion.**”

### PHẦN LÝ THUYẾT

Trước khi bắt tay vào viết câu, mình sẽ trích dẫn phần lý thuyết trong cuốn “Hướng dẫn viết câu trong IELTS Writing” nhé!

**Phần 10, trang 38. Cách diễn tả thông tin phủ định**

Cách 3. Sử dụng **NOT ALL** hoặc **VERY FEW**

Câu gốc: Many students cannot achieve high scores at school

Viết lại: **NOT ALL** students can achieve high scores at school

hoặc: **VERY FEW** students can achieve high scores at school

**Phần 12, mục 1, trang 41. Cách diễn tả thông tin chỉ lý do.**

Sử dụng từ “**With**”

Câu gốc: Many textile companies based in Vietnam are producing large numbers of high-quality face masks because the demand for these masks is growing exponentially.

Câu viết lại: **With** the exponential demand for high-quality face masks, many textile companies based in Vietnam are producing large numbers of these masks.



## ÁP DỤNG VÀO ĐỀ THI THẬT

### *Khi áp dụng cụm từ “very few”*

There are several reasons why **very few** workers remain loyal to the same companies in their whole lives.

### *Sử dụng từ “with” để diễn tả lý do*

**With** greater aspirations for improved employment settings, there is a tendency for young people to switch their jobs.

Như vậy, trong bài chia sẻ lần này, mình cũng đã dùng được 2 cấu trúc trong cuốn “Hướng dẫn viết câu trong IELTS Writing” rồi. Thay vì chỉ đọc, mình nghĩ rằng cố gắng áp dụng như vậy sẽ rất tốt nhé!

## 37. Bài 37

Hôm nay, mình sẽ làm đề thi IELTS ngày 8/1/2022: **“Some people could be naturally good leaders. Others believe that people can learn leadership skills. Discuss both views and give your opinion.”**

### PHẦN LÝ THUYẾT

Trước khi bắt tay vào viết câu, mình sẽ trích dẫn phần lý thuyết trong cuốn “Hướng dẫn viết câu trong IELTS Writing” nhé!

**Phần 11, trang 40.** Cách diễn đạt thông tin chỉ mục đích  
8.2. Sử dụng **“In a way that”**

Câu gốc: Many people eat things like red meat, high-fat foods, etc

Câu viết lại: Many people eat **IN A WAY THAT** is harmful to their health

**Phần 14, trang 44.** Diễn đạt yếu tố tương lai.  
Sử dụng cụm từ **“later in life”**

CÂU GỐC: If children read books regularly, they will be more likely to be successful in the future

CÂU VIẾT LẠI: If children read books on a regular basis, they will be more likely to be successful **LATER IN LIFE.**

## ÁP DỤNG VÀO ĐỀ THI THẬT

### *Khi áp dụng cụm từ “in a way that”*

There are youngsters who empower and inspire other people **in a way that** is unintentional, which can be an early indicator of a gifted leader.

### *Sử dụng cụm từ “later in life”*

If individuals are diligent in developing and refining their leadership capabilities, such as their communication skills, decision-making ability, and work ethic, they can become successful leaders **later in life.**

Như vậy, trong bài chia sẻ lần này, mình cũng đã dùng được 2 cấu trúc trong cuốn “Hướng dẫn viết câu trong IELTS Writing” rồi. Thay vì chỉ đọc, mình nghĩ rằng cố gắng áp dụng như vậy sẽ rất tốt nhé!

# NGUỒN TÀI LIỆU THAM KHẢO



---

Tất cả các ví dụ trong bài là ví dụ được tác giả viết ra và đã được giám khảo IELTS hiệu đính. Trong quá trình viết, một số tài liệu sau đã được tham khảo.

---

1. Action plan for IELTS
2. IELTS advantage: Writing skills
3. Writing for IELTS - Collins
4. Complete IELTS bands 6.5-7.5
5. [ielts-simon.com](http://ielts-simon.com)
6. [dcielts.com](http://dcielts.com)
7. [dictionary.cambridge.org](http://dictionary.cambridge.org)
8. [theguardian.com](http://theguardian.com)



**BẠN CÓ THỂ THAM GIA CÁC  
GROUP & FANPAGE FACEBOOK**

Để tải các tài liệu IELTS do tác giả viết

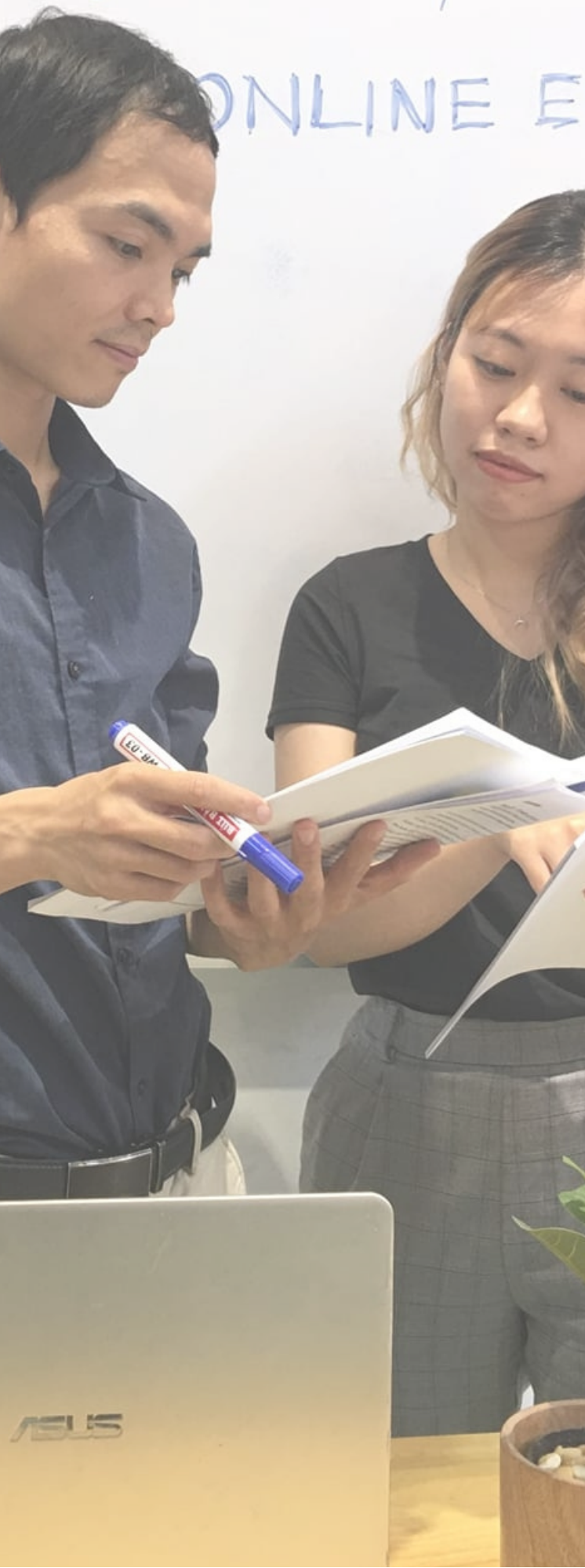
- IELTS Việt
- IELTS Family - Các nhóm tự học IELTS
- [A&M IELTS](#)



# IELTS Writing task

## Argumentative essay

### ONLINE E



Cuốn sách này đòi hỏi các bạn phải liên tục áp dụng vào các bài essay đang/đã viết. Chỉ đọc không thì sẽ không có tác dụng. Ngoài ra, bạn rất nên nhờ thầy cô/bạn bè chữa câu để đảm bảo câu mình viết ra rõ ràng và chính xác.

Chúc các bạn học tốt và thi đạt kết quả cao,

Thầy Đinh Thắng